Năm thứ hai — Số 70
Tuần-lễ từ thứ tư 28 Octobre
đến thứ ba 3 Novembre 1942

TRI TÂN

Tạp-chí văn-hóa ra hằng tuần
Tòa báo : 195, Phố Hàng Bông, Hà-nội

TRONG SỐ NÀY :

Trở lại vấn-đề dầu-cơ giấy — *Phạm Mạnh-Phan*
Tài liệu để đính-chính những bài văn cổ (XLV) — *Nguyễn văn-Tố*
Phê-bình «Phan mạnh-Danh thi văn tập» — *Song-Cốt*
Thơ Đường ở Nhật-Bản (IV) — *Bách-thảo-Sương Tiên-nữ*
Cách viết khoa-học (I) — *Nguyễn trọng-Thuyết*
Từ Hà-nội đến hồ Ba-bể (du-ký, X) — *Nhật-Nham*
Trần công-Sán (1731-1788) — *Tiên-Đàm*
Những ông nghè triều Lê (XL) — *Ứng-Hòe*
Cách xếp-đặt chữ nho trong tự-điển (V) — *Đào trọng-Đủ*
Bà Trần-thị Ngọc-Hảo — *Lê như-Thủy*
Trái tim tráng-sĩ (dịch thơ tây) — *Nguyễn huy-Tưởng*
Thơ trào-phúng — *Bạch-Diện*
Trúc mai sum-họp (tiểu-thuyết, XVIII) — *Chu-Thiên*

0$20

Những kẻ thù không đội trời chung của làng văn, làng báo

TRỞ LẠI VẤN-ĐỀ ĐẦU CƠ GIẤY NHẬT-TRÌNH

PHẠM MẠNH-PHAN

KHÔNG phải lần này là lần đầu mà chúng tôi lên tiếng than phiền về nạn đầu cơ giấy nhật trình.

Nếu độc-giả giở Tri-Tân số 46 (13-5-1942), các bạn sẽ thấy bạn Hoa-Bằng của chúng tôi đã từng nói tới vấn-đề ấy.

Một bản thống-kê nhỏ đã cho chúng ta biết rằng từ năm 1932 đến tháng 5 năm nay, giá giấy đã từ 0p 20 lên tới 1p.35 một cân tây, nghĩa là đã tăng lên tới quá 600 phần trăm. Đó là kể tới tháng 5, chứ đến bây giờ còn tăng nhiều hơn nữa.

Trước cái nạn giấy cao, từ Bắc chí Nam đã biết bao đồng-nghiệp của chúng tôi, sau những phút tranh đấu nguy nan, không thể sao được nữa, đành phải xếp bút mực mà ngậm ngùi cùng làng văn làng báo chia tay, tạm nín tiếng im hơi để đợi một ngày tươi sáng...

Một tờ báo lớn trong Nam bằng tiếng Pháp là tờ La Tribune Indochinoise *của cụ Bùi Quang-Chiêu đã 17 năm trời giòng trống khua chuông trên đàn ngôn luận mà đến nay chắc cũng vì nạn giấy cao, phải vừa rồi tự ý đình bản.*

Nhắc tới những bạn đồng nghiệp chẳng may ấy, chúng tôi không khỏi thắc-mắc cảm hoài! « Con ngựa đau cả tầu không ăn cỏ », cái đó cũng là thường tình trong nhân loại.

Nhưng trước những số phận mỏng manh của các bạn đồng nghiệp của chúng tôi đã vì nạn giấy khan và cao mà phải « xanh ngọn cỏ », chúng tôi sao khỏi nhìn « chân trời tri-thức » với cặp mắt lo âu!

Các bạn độc-giả yêu quý cũng đã rõ phần đông làng văn làng báo chúng tôi không phải là những người trong tay thường có tiền nghìn bạc vạn mà mong xây dựng cơ-đồ trong nghề báo

Chúng tôi chỉ là những người yêu văn chương, thờ nghệ thuật, đáp theo tiếng gọi của chí-hướng mà không quản học thiển tài sơ, góp mặt trên văn đàn để hòng làm trọn phận sự một phần tử trong xã hội.

Chúng tôi vui lòng chịu những sự hy-sinh lớn lao trước mực sống gay-go hằng ngày vì ảnh-hưởng chiến-tranh để được hân-hạnh gần bạn đọc mà nói những điều đáng nói, viết những điều cần viết.

Hoài-bão dầu không bờ bến, nhưng cái năng lực tiền tài của chúng tôi không phải là một kho vô tận.

Chúng tôi không phải là những người có phép tiên uống nước lã sống qua năm ấy sang năm khác, trút hết ít tiền tài đơn sơ mà chúng tôi có, để cho một hạng người đầu cơ giấy nhẫn tâm bóc lột chúng tôi cho đến lú: trần như rộng!

Nhà văn nhà báo còn cần phải sống, còn phải có gia đình và còn phải luôn luôn tranh đấu để bênh vực cho đời văn chương lý tưởng của mình.

Chúng tôi không bao giờ chịu ngồi khoanh tay mà than phiền để cho những kẻ thù không đội trời chung của chúng tôi là những quân đầu cơ giấy xô chúng tôi vào bước đường cùng mà lột khỉ giới!

∴

Hiện nay nạn giấy khan và cao quả như lời bạn Hoa-Bằng đã nói « là một vị Hung Thần, cực tàn ác, cực khốc liệt đương nhe nanh giơ vuốt, rình rập toán quân báo chí suốt từ Bắc đến Nam » (Tri-Tân 46).

— Ai đã gây nên nạn ấy?

Đành rằng nó vì chiến-tranh mà có nhưng nó không đến nỗi gay go ảm-đạm như ngày nay nếu không có một hạng người vô lương tâm, vô nhân đạo tối mắt vì tiền mà hòng trục lợi về việc đầu cơ giấy.

Chúng phần nhiều là những người sống trên núi tiền bể bạc, lòng tham không đáy, vốn óc sẵn có mưu cơ xảo quyệt mà hút máu người không tanh.

Chúng cày cục vào lọt được hết những chỗ có dính-líu về giấy và vì sẵn có tiền nhiều chúng mua vơ vét hết rồi đem tích trữ vào một chỗ Chúng đoán trước rằng cuộc chiến-tranh thế-giới này còn kéo dài và vì đó giá giấy sẽ càng ngày càng lên cao.

Nếu những nhà báo, nhà in thiếu giấy mà hỏi tới, chúng không bán bằng giá của hội đồng đã định.

Thường thường giấy báo đằng 20 cân những người dùng phải mua tới 40p một tập 500 tờ (một rame) Giấy trắng 16 cân tới 48p. như thế thật đắt quá sự tưởng-tượng.

Ấy là những quân đầu-cơ còn bỏ nhân nghĩa lấy tình quen biết mà bóp cổ bạn bằng một cái giá cao hơn giá được phép bán ít nhất là 100 phần trăm.

Nếu bạn là người xa lạ mà hỏi tới họ, thì họ sẽ lắc mà trả rằng hết! Nhưng kỳ thực trong kho kín của họ còn chất đầy giấy cũng như trong óc họ còn dàn dựa những ý trục lợi đê-hèn ti-tiện.

Nếu vì sự cần dùng khẩn cấp, bạn đành phải trả bằng một giá rất cao và bạn không muốn lôi-thôi miễn là có giấy để cung cho sự cần dùng thì bạn phải trả tiền trước tới 2, 3 ngày, rồi chẳng được một tờ chữ gì biên nhận. Đến ngày hẹn bạn sẽ lại lấy giấy. Cái cớ tại sao họ làm như vậy, chắc bạn đọc cũng đã thừa hiểu rồi.

Vừa rồi vụ đầu cơ giấy ở phố kia bị phơi ra ánh sáng chỉ là một bọn người trong hàng trăm bọn khác còn đang hòng hút máu làng văn làng báo một cách tối tư tàn nhẫn,

Những quân đầu cơ ấy chỉ nhìn thấy có ánh chiếu chói-lọi của đồng tiền, Họ chỉ biết vơ-vét cho đầy túi là thỏa mãn. Họ là hạng người không còn lấy một điểm lương tâm khả dĩ nâng đỡ lấy tinh-thần họ.

Họ mù quáng vì cái giàu sang ăn cắp, họ nô lệ cho đồng tiền-phi nghĩa, tôi tớ cho lòng tham dã-man, bần thỉu của họ Họ khát khao vơ vét tiền tài của người

ℭ

Trước những hành vi phi pháp ấy, trước những quân không còn thể lấy lẽ phải mà giảng dụ được, chính-phủ cũng đã tìm những phương-pháp ngăn ngừa chúng để làm nhẹ bớt những cái khó khăn đang đè nặng trĩu trên vai những nhà văn nhà báo và nhà in.

Theo tờ Tin-mới số 363 ra ngày 12 10 1942 quan Toàn-quyền vừa cho lập một ủy ban cố vấn về vấn đề dùng giấy để chống nạn khan giấy hiện thời.

Cái tin đáng mừng ấy đã được những người thù ghét những hành vi phi pháp hết sức hoan nghênh.

Nó là những lời cảnh tỉnh đầu tiên cho những quân đang đầu cơ giấy phải chùn bước và e dè mà đề phòng, kẻo một ngày kia lại phải niệm kinh Sám hối trong nhà pha lớn vẫn còn thừa nhiều chỗ để đón tiếp chúng!

Trước kia Chính phủ cũng chỉ cho phép những người nào có giấy phép mua giấy ngoại quốc mới được phép buôn thẳng để phòng những kẻ đầu cơ.

Nhưng ai phải cần đến giấy, kể cả các nhà báo có giấy phép riêng (licence), cũng ít khi được mua thẳng với những người đã được phép buôn giấy ở ngoài vào vì những quân đầu cơ giấy đã len lỏi tranh cướp hết.

∴

Chúng tôi mong ủy ban về giấy hoạt động một cách nhanh chóng và ráo riết để cứu vẫn lấy những người cần giấy đang ở trong gọng kìm kẹp của những quân đầu cơ giấy

Nếu có một cuộc điều tra và kiểm soát kỹ càng về số giấy ở ngoài đem vào và số giấy sản xuất ở trong xứ cùng số giấy tiêu thụ hằng ngày của các báo và các nhà in thì người ta sẽ biết rõ số giấy tích trữ của những quân đầu cơ.

Hơn nữa, nếu chính-phủ bắt những ai buôn giấy mà trong kho có quá số giấy đã định phải khai báo ngay cũng như những ai tích trữ thóc gạo ở các vùng quê, thì chúng tôi tưởng nạn đầu

xem tiếp trang 23

Sách mới

Tôi nhận được quyển:

Học-thuyết Mặc-Tử của ông Lê-văn Hòe do cụ Nguyễn-văn-Tố đề tựa. Giá 1.50

Xin cảm ơn và giới thiệu cùng bạn đọc. T. B.

Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ

Số 45 Ứng-Hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

CXXXV

Kim Vân Kiều (bài nối)

Quyển *Đoạn trường tân thanh* của cụ Kiều Oánh-Mậu, tức là bản *Kiều* chữ nôm của cụ Đào Nguyên-Phổ mang ở kinh ra (1), chép câu 121 như sau đây :

Ào ào trút *lộc rung cây,*

Bản chữ nôm in ở Quan văn đường và bản quốc-ngữ của ông Nguyễn Văn-Vĩnh chép chữ *trút* là chữ *đổ*.

Câu 128, các bản đều chép là :

Chớ nề u-hiền mới là chị em.

Bản Quan-văn-đường in là *chẳng nề*, có lẽ không đúng. Câu 139, cụ Kiều Oánh-Mậu chép là :

Tuyết in sắc ngựa câu dồn.

Chữ *dồn* « nhật » bằng chữ « tồn »; các bản khác thì viết khung « bệnh » bằng chữ « tồn », cho nên người ta đọc là :

Tuyết in sắc ngựa câu dòn.

Nếu theo nghĩa sắc tuyết in sắc ngựa, sắc trắng cùng lộ — «tuyết sắc ấn mã, bạch sắc dũ lộc» như lời chú-thích của cụ Kiều Oánh-Mậu, — thì phải đọc là *dồn* mới hợp nghĩa, vì sắc tuyết trắng, sắc ngựa cũng trắng, hai sắc *dồn* lại với nhau.

Câu 151, cụ Kiều Oánh-Mậu chép là :

Phong tư tài mạo tót vời,

Xem như đúng hơn những bản nôm chép là « *Thiên-tư* tài mạo tót vời » và bản quốc-ngữ chép là « Phong tư tài mạo *tuyệt* vời». *Phong tư* là giáng đẹp, *thiên tư* là khiếu thông sẵn có. Còn chữ *tót* là tiếng cổ, nghĩa là hơn hẳn.

Vẫn *nghe thơm nức hương-lân,*

Ông Nguyễn Văn-Vĩnh in là « *Trộm nghe* ».

Ông chua câu :

Một nền đồng tước khóa xuân hai Kiều như sau này : « Tích này lấy ở truyện Tam-quốc hồi thứ 41, Tào-Tháo đào sông Chương-hà bắt được chim sẻ đồng, mới làm đền Đồng-tước, định bắt vợ Tôn-Sách và vợ Chu-Du mà giam vào đấy ». Quyển *Kim Vân Kiều truyện chú*, sách viết của Bác-cổ số A B 233, tờ 18 b, dẫn hơi khác : « *Tam quốc chí* chép : Kiều-công — ông họ Kiều — có hai con gái đều là người quốc sắc. Tôn-Sách lấy con gái lớn, Chu-Du lấy con gái bé. Tào-Tháo đem quân đi thuyền sang đánh Ngô, bảo thuộc-hạ rằng : « Ta làm đài đồng tước, định sau khi dẹp được Ngô, bắt hai con gái họ Kiều nhốt ở trong, để vui tuổi già của ta ». Không ngờ đến tháng 11 năm ấy, Tào-Tháo lại bị Chu-Du đánh thua to ở Xích-bích. Đỗ-Mục đời Đường có câu thơ hoài cổ rằng : « Đông-phong bất dữ Chu-lang tiện, Đồng-tước xuân thâm tỏa nhị Kiều », nghĩa là nếu gió đông không thuận tiện giúp cho Chu-Du, thì có lẽ hai người con gái họ Kiều đã bị khóa xuân ở đài Đồng-tước ». Như thế thì chữ Kiều ở trên đây là tên người, phải viết chữ hoa ; vả lại bản chữ nôm cũng viết chữ Kiều này khác với chữ *kiều* là con gái đẹp.

Câu 157, ông Nguyễn Văn-Vĩnh chép là :

Nước non cách mấy buồng thêu.

Nhiều bản nôm viết là « buồng đào », bản của cụ Kiều Oánh-Mậu cũng viết như thế.

Còn nữa

Ứng-hòe Nguyễn-văn-Tố

1· Cụ Đào-nguyên-Phổ có đề bài tựa bằng chữ nho cho quyển *Đoạn trường tân thanh* của cụ Kiều-oánh-Mậu. Bài tựa ấy có người mới dịch ra quốc-văn, nhưng dịch không hết, lại có chỗ in nhầm ; nay tôi dịch cả bài ra sau đây :

« Nước Việt ta, từ cụ Hàn Thuyên triều Trần bắt đầu dùng quốc-âm làm thơ phú, thì lối văn quốc-âm mới thịnh hành. Lối trên sáu dưới tám, dài ngắn đúng niêm-luật, đọc lên nghe êm lanh-lảnh, tưởng cũng bắt chước những câu thành ngữ trong kinh-sử mà làm ra : bài tựa *Tỳ-bà* của cụ Kiều-oánh-Mậu, hiệu Giá-son, nói đã rõ ràng. Người đời bắt chước lối ấy mà làm ra truyện nôm rất nhiều, nhưng câu văn quê mùa, lời văn thô-tục, mười phần đến tám chín phần không thể nghe được. Như truyện *Phan Trần*, truyện *Hoa Tiên* đều gọi là kiệt-xướng, nhưng trong cũng có câu hay câu dở, câu được câu hỏng. Tìm những lời văn như châu ngọc, điệu hiệp tiếng cung thương, thì chỉ có một truyện *Kim Vân Kiều*.

Khẩn cáo

Bản chí xét sổ còn nhiều bạn mua báo chưa trả tiền.

Vậy các bạn nên kíp gửi ngay mandat về trả cho, chúng tôi rất cảm ơn các bạn

TRI TÂN

SÁCH CỦA NHẬT-NHAM

Trịnh-như-Tấu

1 — Hưng yên địa chí Op.80
2 — Bắc giang địa chí 1 50
3 — Trịnh gia chính phả 0.40

Đều có bán tại

Đông Tây thư quán

195 Phố Hàng Bông — Hanoi

«Truyện này quan Lễ-bộ hữu tham-tri đời Gia-long, là cụ Nguyễn-Du, người làng Tiên điền theo bản chữ Hán của Thanh-tâm tài-nhân mà làm ra, lời đẹp-đẽ mà văn-hoa, điệu trôi chảy mà du-dương; chọn tài-liệu rất rộng kể việc rất rõ, nhặt những khúc hay, những lời tình của người xưa, tìm rọng ra đến những câu phương-ngôn tục-ngữ của nước ta, đủ cả những giọng nồng-nàn, những câu tinh tế, góp tất cả những điệu văn hoa những tiếng quê mùa. Nói về tình thì vẽ ra được cái hình-trạng lúc hợp-ly, khi cam-khổ, mà không sót cảnh; kể về cảnh thì vẽ ra được cái thú-vị khi tuyết nguyệt, lúc phong-hoa, mà kiêm được cả tình: mực muốn múa mà bút muốn bay, văn muốn kêu mà chữ muốn nói. Khiến người cười, khiến người khóc, khiến người vui, khiến người buồn, khiến người đọc đi đọc lại nghìn lần, càng đọc thuộc lòng mà càng không thấy chán: thực là một thiên tuyệt xương của Nam-âm, một tiếng đầu tiên trong tình phả.

« Cổ-ngữ ta có câu: «Làm giai biết đánh tổ-tôm, uống chè Chính thái xem nôm *Thúy-Kiều*» thật là hợp thú. Cho nên ngày nay những khách hàn-mặc, những bọn quần-thoa cho đến những người buôn-bán, những kẻ thôn-bào, không người nào là không có một truyện *Kiều* ở trong tay để thưởng thức, thậm chí những người không biết một chữ «đinh», học thuộc lòng được mấy câu, thế mà thường thường khi nằm khi ngồi cũng đem ra ngâm-nga. Ôi! sao say mê người ta đến như thế!

« Tôi càng lấy làm lạ rằng người đời xem bói *Kiều* cho là linh ứng: như thế thì có thể làm quyển kinh thiêng-liêng của Quỉ-cốc để xem bói hay sao? Há chẳng phải Thúy Kiều, tài sắc vô song, là người tình rất mực xưa nay, trong mười-lăm năm nếm trải phong trần, làm việc tình rất mực xưa nay, diễn làm truyện, giọng văn lai-láng khôn cầm, là văn tình rất mực xưa nay, so với bản chữ Hán của Thanh-tâm tài nhân càng là hơn hẳn. Người lạ, việc lạ, văn lại lạ, cho nên không những say người, mà lại thông thần được chăng?

«Truyện này in ra đã lâu, chữ viết thỉnh-thoảng sai-nhầm; người xem truyện phần nhiều vì chỗ viết sai mà đọc nhầm, rồi lại tự đem ý-kiến mình mà cắt nghĩa ép.

«Bạn tâm-khế của tôi là cụ Kiều-oánh-Mậu, hiệu Giá-sơn, đỗ ất-tiến-sĩ trong Tự-đức, hay làm văn quốc-âm; ngày làm quan ở Bắc đã dịch truyện *Tỳ-bà*, lại đem truyện *Kiều* này mà đính-chính, tra dẫn sự-tích điển-cố, khiến cho người xem được rõ ràng hiểu nghĩa, nhân tham-hiệp với bản *Kim Vân Kiều án* của cụ tiến-sĩ Nguyễn văn-Thắng, lại thêm hai án *Thổ quan* và *Ngư-phủ*, đều có đề thơ đề tựa, người xem đến đều khen là bác-nhã, và đều khuyên nên khắc bản in để cống-hiến những người thích quốc-âm, nhưng cụ Giá-sơn bận về việc văn-báo, chưa lúc nào thong-thả.

«Năm ất-vị 1895 tôi học ở Giám, có một người thích-lý, — họ ngoại nhà vua, — đưa lại cho tôi một quyển *Kiều* mới, đề tên là *Đoan-trường tân thanh*: tôi mở xem thì thấy cân-nhắc từng chữ từng câu, bỏ cũ thay mới, mà các bậc danh-bút phê-bình, như thần-cơ linh động, lại khâm-phụng ngự-phê câu đối ở đầu quyển, truyện giai nhân diễn thành giai-văn, lại được nhuộm mùi thiên hương, càng là thêm vẻ, nên chi người ngâm-vịnh tranh nhau sao chép, đến nỗi giấy ở kinh-đô thêm giá đắt.

«Mùa hạ năm nay, tôi ở kinh kin-đô thêm giá đắt.

« Mùa hạ năm nay, tôi ở kinh về vinh-qui, có đem quyển *Kiều* ấy đưa cụ Giá-sơn; cụ Giá-sơn xem thấy mừng lắm, nhân kiểm duyệt kỹ-càng rồi đưa thợ khắc, công hành ra đời, để rộng kiến văn. Tôi biết người đời nhờ truyện *Kiều* để đào vịnh tính-tình, kích-dương phong nhã, xem quyển này chắc có ích

« Hiệu vua Thành-thái, năm mậu-tuất 1898, mùa đông, tháng 11 thượng tuần.

« Đỗ đình-nguyên nhị giáp tiến sĩ khoa mậu tuất 1898, người Thái bình, Cần giang, Đào nguyên-Phổ, tên tự Hoành hải, ghi chép »

Một kỳ sau:

Bản đồ thật nước Chiêm-thành của TINH-CHỬ N. V. H.

Các bạn nên kíp gửi bài về số tết cho. Tri-Tân số tết sẽ rất đặc-sắc

Nhà in

TRI-TÂN

Nhận in đủ các việc

70, Bach-mai Hanoi zone

Phê - bình

« THI VĂN TẬP »

của cụ PHAN MẠNH-DANH

SONG-CỐI viết

Cụ Phan Mạnh-Danh (1866-1942), một nhà văn thuộc thế hệ trước, vừa để lại mấy nét di-mặc góp vào trang sử văn học nước nhà : cuốn *Thi-văn tập trích lục*.

Chắc các bạn không lạ, đối với tác-giả *Bát hoa*, một nhà văn có cái «vốn» hán học rất giầu và rất chắc.

Nhưng, để giới-thiệu với các bạn biết thêm về thân thế của tác-giả tập thơ văn này, tôi xin mượn mấy câu của ông Vũ Mộng Hùng tế viếng cụ Phan Mạnh-Danh khi cụ vĩnh biệt làng văn học :

« *Thi lễ vốn nhà,*

« *Phong lưu nếp cũ,*

« *Cầm, kỳ, thi, họa, rất mực thông minh* ;

« *Tuyết, nguyệt, phong, hoa, lọt vành kim cổ* .. »

Mà cuốn « Thi văn tập » này của cụ Phan đã làm chứng cho cái tài thi họa ấy.

Bức « mai-đồ » của tác-giả vẽ hồi năm 1885 (trang 10) tỏ ra một ngòi bút rất xảo-diệu về lối hội-họa đông phương.

Trong tập thơ văn này, ta nên nhận xét tác-giả theo ba phương-diện :

1·Thơ văn chữ hán. — Cũng như nhiều nhà nho khác, về thế hệ trước, tác-giả từ bé, học chữ tàu, viết văn tàu, coi chữ nho như thứ văn tự cố hữu của người minh, nên mỗi khi hạ bút, đã đi gần được đến chỗ nhập diệu của hán văn.

Những câu nhẹ nhàng đẹp đẽ sau này khiến người đọc đến còn phảng phất nhớ tới cái phong vị của thời mực tàu giấy bản :

Lưu niên tự diệp phiên phù tháng,
Cựu sự tự hoa tỉnh văn hồng.

Xuân-mộng I, trang 27

Và :

Xuân tiêu phong vị như tương vấn,
Hảo nguyệt đăng hoa tri vị tri.

Xuân-mộng III, trang 30

Lại như :

Lê kinh cấp vũ, hoa không loạn ;
Liễu ngộ cuồng phong, nhứ diệc tùy.

Vịnh Kiều, X, trang 82

Ngoài những câu rất điêu luyện đại để như thế, nhà thơ ấy còn có những ngón tiêm xảo của lối « chơi chữ » như trong phần 30 bài « Xuân mộng », tác-giả dùng đủ 30 vần bằng, từ vần *nhất đông* đến vần *thập ngũ hàm*. Lắm bài lại tỏ ra quá tiêm-xảo : hoặc đặt xen những chữ là tên loài chim, muông, cá, côn-trùng (tr. 32), hoặc chắp những chữ là tên từ khúc (tr. 33), tên thuốc (tr. 39), tên chè (tr. 40), tên mỹ nhân (tr. 46).

Tác-giả cũng rất sở trường về lối văn biền ngẫu, như ta đã thấy trong bài « Thanh tâm tài nhân lục tự » :

Bản thị hận nhân, dĩ bất thăng hoàng thổ thanh sương chi cảm,

Tuy phi đạt giả, phù khởi vô tàn hồng thặng lục chi ngâm.

2. Văn dịch chữ hán. — Từ giai đoạn một nhà văn chữ hán bước sang giai đoạn một nhà văn nôm, tác-giả đã khéo nối liền bằng cái cầu «văn dịch».

Trong bài văn tế Thạch Man-Khanh, cụ Phan dịch văn của Âu-dương-Tu (1), chẳng những giữ được nguyên điệu, nguyên vần, mà lại lột được cái vẻ thống thiết lâm ly của nguyên văn chữ hán :

... chỉ thấy trẻ chăn trâu, người kiếm củi, hát reo và qua lại, cùng với chim bay thú chạy, kêu thương hót nhớ những buồn tênh.

— Trang 130.

Nguyên văn :

« *... Đãn kiến mục đồng, tiều tẩu ca kim nhi thương hà dữ phù kinh cầm hãi thú bi minh trịch xác nhi y anh !* »

Lại những câu thơ dịch rất xát nghĩa và rất tự nhiên, như :

Hang sâu mây đón đường chim-chóc,
Nước chảy giòng tuôn tiếng phách sênh.

— Thiên-thai II, tr. 122

Nguyên văn :

Vân đậu mãn sơn vô điểu tước,
Thủy thanh duyên giản hữu sinh hoàng.

Cụ Phan có cái đặc sắc trong ngón dịch là thể thơ văn nào thì lại dịch theo thể thơ văn ấy, cách điệu thế nào thì lại giữ nguyên được cách điệu thế ấy.

Và cụ đã hơn nhiều nhà nho hay chữ khác ở lớp xưa là thâu thái được những cái hay, cái đẹp trong hán văn mà giới-thiệu với bà con bằng cách hoặc dịch hán văn, hoặc dựa theo tinh-thần hán văn mà viết ra văn quốc-ngữ.

Vậy nay muốn nhận chân giá trị của tác-giả Phan Mạnh-Danh, ta phải xét qua phần này :

3· Thơ văn nôm. — Phần này mới thật là phần đáng để ý hơn hết trong tập thơ văn của cụ Phan. Vì thơ văn chữ nho của tác-giả dù hay, dù đẹp đến đâu cũng chỉ là lối học nhờ viết mượn, cũng vẫn là máu vay giật, lòng chế tạo, chứ không phải tâm hồn tự nhiên của con nhà Đại Nam. Ở phần này ta mới thấy vang lên từ đáy lòng tác giả những tiếng xa xăm, sôi nổi, chân thật, nồng nàn,

Trong tập vịnh Kiều, ở hồi VII, hồi Kiều từ giã gia-đình, gỉ tâm sự cùng cha, dặn em thay chấp duyên chị, tác giả có hai câu hình dung rất đúng được tâm sự nàng Kiều đối với Kim-Trọng :

Có mộng tìm đâu cho thấy bạn ?
Đứt hồn thương lắm biết chăng ai?

— Trang 79

Ngoài ra, tác giả có những cái khéo-leo tỉ-mỉ khiến người đọc đến không khỏi ngạc nhiên trước ngón tinh - tế tiêm-xảo của tay «thợ-thơ» rất tài-tình :

Một *mong*, hai *đợi*, bốn ba chờ,
Mười *hẹn đêm giăng* tám *hững hờ*.
Nửa *gối* năm *canh gà gáy giục*,
Tắc *mây* sáu *cánh nhạn tin* thưa.
Trăm *lần* cặp *mắt* đôi *hàng lệ*,
Chín *khúc bên lòng* vạn *mối tơ*.
Nghìn trượng *thành sầu đo* thước *khó*,
Biển đem bẩy *vẻ dệt nên* thơ.

— Xuân-khuê, trang 96

Nếu cứ đọc lướt qua, thì ta không thấy những chỗ dụng công và khổ tâm của tác-giả. Nhưng nếu các bạn để ý đến những chữ in đứng trong bài thơ trên và tế nhận những điều kiện như tác-giả đã nêu ở trang 95, ta sẽ thấy những chỗ rất công phu của bài thơ ấy : « .. Để người đàn bà nhớ chồng, làm lối luật thơ bát cú ; trong bài phải dùng đủ 5 vần là : *Chờ, hờ, thưa, tơ, thơ* và 19 chữ là : *Một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bẩy, tám, chín, mười, trăm, nghìn, vạn, bội, gấp, nửa, trượng, thước, tắc.*

Dẫu vậy, đối với hiền giả, chúng ta cần phải trách bị. Phê bình tập thơ văn này, khen thì có khen, nhưng bổn phận không cho tôi được phép làm ngơ khi thấy một vài khuyết điểm.

Về văn dịch, ụ Phan tuy dịch đã khéo, nhưng lắm chỗ còn bỏ sót nghĩa và chưa dịch được hết ý.

Cử lệ : Nguyên văn chữ hán là « Phong thê, lộ hà, tầu lân, phi huỳnh. »

Tác giả Âu - dương - Tu rất dụng ý ở những chữ *thê, hà, tầu, phi* ». Để hình dung cái quang cảnh tiêu sài hoang lương ở bãi tha ma, nguyên tác có dùng những chữ như *phong, lộ, lân, huỳnh*, nhưng khéo ở mấy chữ *thê*, hà, tầu, phi, làm nổi bật câu văn lên vì vẽ được những nét linh động trên bức phông đầy vẻ chập-chờn ghê - rợn như trên, như nạt người ta ở chỗ nặng nề ân khí. Thế mà dịch giả muốn quá gọt, dịch là « *ma chơi gió lạnh, đom đóm* sương thanh », thành ra làm mất tinh-thần của nguyên văn chữ hán. Vì « ma trơi » và « đom đóm » mới chỉ dịch được chữ «lân» và chữ «huỳnh ; còn bỏ sót mất cái ý « phi » và « tầu ». Đến hai chữ « lộ hà » mà dịch là « sương-thanh » thì lại sót nghĩa chữ « hà ».

Theo tôi, nên dịch là :

...Sương sa, gió lạnh, ma chơi nhấp nhẩy, đom đóm dập dềnh.. (tôi cũng vẫn giữ được vần).

Trên kia tôi dùng tiếng « thợ thơ » để tặng tác giả, không phải là không cân nhắc.

Phải, tác giả là một tay « thợ thơ » rất tinh công. Nhưng có lẽ vì tác giả đã cố ý quá trổ ngón tài tình, quá khoe màu tiêm xảo, quá phô vẻ chi phấn, nên đã vô tình đẩy thơ văn vào đường quá bó buộc, quá uốn nắn, quá chế tạo và quá gò gẫm !

Chẳng hạn như :

Canh vắng báo tàn kê giục điểm.

— Liễu âm tổng biệt, trang 99.

Chỉ vì tác giả quá muốn lộng xảo, đà ép thơ vào cái khuôn khổ chật hẹp khó khăn là lối *thuận nghịch độc*, lại dồn thơ vào bước đường cùng : chỉ làm một bài thơ Đường luật, nhưng bắt đọc thuận thì phải là bài thơ chữ hán, đọc ngược thì phải thành bài thơ nôm. Vì thế, chẳng những làm cho câu thơ nôm trên kia phải ép chữ, mà mấy câu thơ Hán văn sau này cũng hỏng oan :

Vọng viễn tình bao *biệt tự tình*.

Và

Tràng đoạn nhưng mang *toàn hận khối*.

Một cây si nốn trên chậu tàu, một hòn núi non-bộ bầy trong bể cạn, một quả đu đủ gọt làm hoa chơi tết trung thu, khéo thì có khéo thật, công phu thì công phu thật, nhưng vẫn thiếu cái gì là phóng khoáng, là bình dị, là tự nhiên...

Có thể nói cụ Phan-Mạnh-Danh là một « thợ thơ hơn viết ký tài » hơn là một «thi-sĩ việt-nam thuần túy» vì tôi nhận thấy:

Cùng các bạn gửi bài

Các bạn có lòng yêu gửi bài đến Tri-Tân, xin làm ơn nhớ viết cho tinh tường, để chừa rộng ngoài biên và chỉ viết một mặt giấy.

Sau khi đã gửi bài nào đến bản-chí rồi, xin đừng gửi bài ấy cho báo khác nữa.

Vì bài nhiều mà khuôn khổ tờ báo có hạn, nên bản - chí cần phải lựa chọn kỹ càng và lúc nào tiện dịp mới đăng dần được.

Bài nào không đăng, xin miễn trả lại bản cảo. — T.T.

HỘI HỢP-THIỆN BẮC-KỲ giục bốc mộ

Bản hội có lời nhắc lại các mộ chủ biết rằng :

Những ngôi mộ ký táng trong trang bản hội ở Quỳnh-Lôi Hà-đông tính đến nay đã quá 5 năm, thì từ tháng này trở đi phải bốc.

Nếu chủ mộ để hết tháng Décembre 1942, khoảng tháng 1 ta, không bốc thì bản hội sẽ coi là mộ vô thừa nhận và sẽ bốc đi, rồi quy cả vào một khu riêng.

Hội Hợp Thiện Bắc-kỳ kính cáo

Trong nhiều bài tả tình, văn tuy dũa gọt, lời tuy chạm trổ rất tỷ mỷ, nhưng tiếng tơ lòng ấy có thể làm rung động tâm hồn độc giả một cách mạnh mẽ không ? Tôi muốn đòi trong Phan-mạnh Danh những giọng não nuột thánh thót của Nguyễn-Du, những câu gieo giắt lân ly của Cao-Bá-Nhạ, những vẻ êm nhẹ sâu sắc của bà Thanh Quan và những nhạc điệu du dương của Tản-Đà Nguyễn-khắc-Hiếu

So 20 bài ở phần « đề Thanh - tâm lục » với 20 bài Vịnh Kiều của Chu-mạnh-Trinh, thấy họ Phan còn nhường họ Chu ở chỗ bay bướm, nhiều màu sắc và giàu hình ảnh.

Đọc hai bài viết lối « điệu sầm ả đào » ở mấy trang 107, 108, 109, thấy tác giả chưa làm thỏa-mãn ta như khi đọc những bài hát sầm đầy vẻ mộc mạc, tự nhiên nhưng thấm thía của Tản-Đà.

Phải chăng tác giả Phan-Mạnh-Danh vì chịu ảnh hưởng rất nhiều và rất sâu của hán-văn nên,khi viết quốc-văn,chưa dễ hòa được ?

Chứng cớ ấy tôi nhặt được ở những chỗ tác giả viết có vẻ «quá tàu» :

Hồ - sơn *so với* Tây-sương *khác*
— Tr. 75

Tức nghiệt *xui ra nhầm một bước,*
— Tr. 72

Chước hiểm đà đao *nguyên đã rắp,*
— Tr. 81

Ta hỏi thăm người du biến *Ngnyệt* cầu...
— Tr. 108

Và văn xuôi :

Ta *thủa nhỏ tính vốn một mực nghiêm trang, hễ điều gì không hợp lễ thì không để mắt tới,* tuổi tuy đến tuần nhược-quan *mà đối với nữ sắc vẫn dửng dưng...* » — *Tr.* 13.

Trong phần thơ chữ nho, tác giả có sai một chữ, tiện đây, xin vì văn học, sử học mà đính chính lại và,luôn dịp, để chỉ cái lầm ngay ở chữ đầu vần A trong 1 cuốn từ điển mà người ta đã đặt cái tên đẹp đẽ là « tầm nguyên » kia.

Ở trang 138, cụ Phan có bài thơ chữ nho « đề Đào nương hức » tức « hang Cô Đào ». Từ đầu đề đến lời dẫn tất cả có ba chữ « đao » tác giả đều viết chữ « đào » là cây đào 桃 cả. Thực ra, chữ ấy phải viết chữ « Đào » là họ Đào 陶 mới đúng.

Tại sao tôi dám nói quả quyết rằng, về chữ « đào » ấy, tác-giả tập thi văn này cũng cùng một cái lầm như tác-giả Tầm nguyên từ điển trong khi cắt nghĩa chữ « ả đào » ở đầu vần A, trang 9 ?

Ấy vì *Đại Việt sử ký toàn thư,* quyển II, tờ 6 đã cho tôi đủ chứng cớ mà nói như vậy.

Nguyên ở trang sử ấy, dưới chỗ chép ngày tháng tám năm Thuận-thiên thứ mười sáu, 1025, đời vua Lý Thái-Tổ « ... đổi hỏa đầu làm chính thủ, duy con nhà xướng ca thì gọi là quản giáp », sử thần có chua rằng : « Bấy giờ có người con hát họ Đào 陶氏 giỏi nghề ca hát, thường được ban thưởng. Người đương thời hâm mộ cái danh nàng : phàm ai là con hát (xướng nữ) cũng đều kêu là Đào-nương 陶娘 ».

Đó, cái nguồn gốc của tiếng « ả đào » là thế đấy.

Vậy mà ở bài đề « hang Cô Đào », cụ Phan ba lần chép chữ « đào » *mọc bên chữ triệu* !

Vậy mà trong cuốn *Tầm nguyên từ điển* kia cũng viết chữ « đào » *mộc bằng chữ triệu* !

Đoạn sử mà tôi dẫn trên thật đã đính chính được những cái lầm ấy.

∴

Mặc dầu có những khuyết điểm như tôi đã chỉ ra đó, cụ Phan vẫn là một cây bút có giá-trị : giá trị vì biết quí tiếng mẹ đẻ trong khi nhiều nhà nho khác ở đồng thời chỉ ham chuộng hán văn, hễ cất tiếng thì ngâm vịnh bằng hán văn, hễ hạ bút thì lia-lịa viết bằng văn hán ; giá-trị vì cụ đã đặt mình làm cái gạch nối từ thế hệ cũ qua thế hệ mới khiến cho cái khoảng tân cựu giao thời ấy, trên trang văn học sử nước nhà không đến nỗi cắt khúc và đứt đoạn ; giá trị vì, về mặt hình thức thơ, cụ đã đi được đến bước xảo diệu, khiến chúng ta nay còn mường tượng được cái phong lưu, nhã thú trong lối « chơi chữ » của cổ nhân ; giá trị vì cụ đã tỏ cho người nước biết rằng cụ tuy viết giỏi văn tàu, nhưng đồng thời cụ vẫn luyện tập quốc văn, trở nên một tay thợ khéo đã sử dụng được hán văn để phô diễn tư-tưởng tinh tự thế nào thì cũng sử dụng được quốc văn thế ấy,

SONG-CỐI

Thống chế Pétain đã nói :

« Các người cần nhất chẳng nên ngã lòng. Ví dù bản chức được quyền như vậy thì đã ngã lòng từ lâu rồi. Bản chức sẽ gánh việc lớn cho đến khi hoàn-thành và mong rằng ai ai cũng nối theo gương đó ».

1· Âu-dương Tu người Lư-lăng đời Tống, tự Vĩnh-thúc, hiệu Tây-ông, về già lại hiệu là Lục-nhất cư-sĩ, khi mất, tên thụy là Văn trung. Ông đỗ tiến-sĩ giáp khoa, làm chức gián quan đời Tống Nhân-tông (1023-1063).

Là người đồng thời với Vương An-Thạch, nhưng chính-kiến không hợp với Vương. Chịu ảnh hưởng rất nhiều của Hàn Dũ đời Đường, 618-905, ông nổi tiếng văn-chương hơn cả một thời bấy giờ. Ông có soạn được bộ Tân Đường thư *và bộ* Tân Ngũ đại sử. *Bài văn tế Thạch Man-Khanh của ông mà cụ Phan dịch đây có in trong bộ Cổ-văn tàu, nhà nho nhiều người biết.*

2· Sau khi căn cứ vào việc đời Trần, 1225-1400, chuyện Lý Nguyên-Cát diễn vở « Vương mẫu bàn đao », tác giả cuốn từ điển ấy chỉ cho ta « tầm » cái « nguyên » mà chính thực không phải là « nguồn » : « Con gái ra đóng trò Bàn-Đào, người ta gọi là « nhà-trò » nghĩa là con gái làm trò hoặc « Ả Đào » nghĩa là cô a đăng đào (!) Vậy «ả-đao» nguyên nghĩa là con gái hát tuồng Bàn-Đào, sau biến nghĩa thành tiếng chỉ con hát, và lâu dần biến thành tiếng chỉ riêng bọn con gái gõ nhịp phách hát các bài ca trù, như ngày nay» (T. N. T. Đ. tr. 9–10)

Tiểu-thuyết « TRÚC MAI SUM HỌP » sắp hết, bản-chí sẽ đăng tiếp những truyện rất lý-thú,rất hi-kỳ. Xin các bạn chú ý.

THƠ ĐƯỜNG Ở NHẬT-BẢN

Số 4

của BẠCH-THẢO-SƯƠNG Tiên-nữ

TRƯỚC kia (Tri-Tân số 49 - 53 - 57, Juin và Juillet), các bạn đã biết qua qua cách làm thơ Hán và cách đọc thơ Hán ở Nhật như thế nào rồi, nay tôi cùng các bạn đi dần vào đi vào vườn thơ Đường của Nhật, để tìm ý - vị, nghĩa-lý của bài thơ tìm cái Đại-Hòa - hồn đó nó bảng-bạc hiển-hiện trên hình-thức khuôn-khổ Hán Đường như thế nào.

Mỗi bài thơ, hoặc có thêm phần chú giải, hoặc lược truyện dông-dài đó là để biết qua một ít đại-cương lịch sử nước Nhật mà cũng để thêm phần hứng thú khi ta ngâm ngợi bài thơ.

Đại-chánh thiên-hoàng ngự chế

Dạ giá mông - đồng quá Viễn-châu,
Mãn thiên minh-nguyệt tứ du du...
Hà thời năng toại bình - sinh chí :
Nhất dược hùng phi ngũ đại châu ?

Dịch nôm

Đêm thả thuyền quân cửa Viễn chơi,
Lòng sầu man mác, bóng trăng trời.
Bình-sinh nguyện ấy, bao giờ thỏa ?
Bước khắp năm châu một bước dài,

Nghĩa chữ

Vì không tiện chữ nho để in, e trong bài chữ Hán có chữ nào có thể lầm lẫn với chữ khác, nên tạm giải thích cho tiện nhận thấy nghĩa bài thơ.

Mông-đồng : Thuyền dùng đánh trận, như nghĩa *chiến hạm.*
Dược : nhảy vọt.

Lời giải và lời bình

Vua Đại chánh 1912-1925 diễn tập hải - quân ở vàm Diễn-châu vùng biển thuộc Trung-bộ Cận-kỷ. Viễn-châu-nau ở khoảng giữa 2 địa-phương Sinzuoka và Nagora, là vùng biển, thường có nhiều sóng to gió lớn rất tốt cho sự diễn tập hải-quân.

Đây là thơ vua làm giữa một đêm ngự xem cuộc diễn-tập xong, như thế thì có gì khiến cho lòng vua buồn-bã. Vua Đại-chánh nước Nhật là một ông vua đa bệnh Người bệnh thì dễ cảm sầu mà tâm-hồn thường dễ bị lây vì cảnh-vật.

Dẫu không có chuyện gì kích-động mà chợt nhìn lên vầng trăng cô đơn lơ-lửng giữa trời biển mênh mông thì đã gợi lên cho lòng thi-sĩ một tứ điu-hiu quạnh vắng.

Dù là một ông vua của một nước hiếu chiến đương diễn-tập quân binh nữa, mà hễ đã bị ngoại cảnh cảm nhiễm thì hoài niệm phát sinh cũng đều một mối.

Tâm hồn lúc đó dù là ai, dù là địa-vị nào mặc lòng vẫn là tâm hồn một khách thơ đa sầu đa cảm Hồn thơ vô-tư mà huyền-diệu lắm thay !

Ta đã từng nghe vua Dưo-tôn khóc người yêu là Bằng-phi, tiếng khóc đó thống-thiết y-hệt như tiếng khóc của một gã đa tình chung thủy, không có gì là đặc biệt của tiếng khóc một ông vua.

Vua Đại-chánh khi ngửa nhìn trăng trời lồng-lộng, cúi ngắm thân mình bé nhỏ quá, thi tình man mác, thi-tứ điu-hiu buồn rầu vì thấy mình không toại được lòng mong muốn, không thỏa được chí bình-sinh rồi cũng muốn bước ra một bước cho khắp năm châu bốn biển, muốn đưa tay ôm hết cả trời đất vào mình y như một thí sinh lạc-đệ, nhiều phen, một thi-sĩ ngày mai chưa có gạo.

Cho mới biết cái « bình sinh chí » là cái gì mà xa xôi quá. Ai cũng kêu là không biết bao giờ cho được toại.

Một kẻ chưa giàu sang thì nghĩ rằng nếu mình được giàu sang tất là «chí bình sinh» được toại. Có ngờ đâu kẻ đã giàu sang mà cũng cứ kêu chí bình sinh chưa toại !

Một người không là vua, không biết làm vua sung - sướng đến bực nào, những nghĩ nếu mà mình được làm vua một cái thì tất là sung-sướng nhất đời. Có ngờ đâu chính là ông vua cũng còn kêu là «chưa toại chí bình sinh» !

Còn nữa

BẠCH-THẢO SƯƠNG Tiên nữ

CÁCH VIẾT KHOA-HỌC

NGUYỄN TRỌNG-THUYẾT

MUỐN viết khoa-học bằng tiếng ta, phải làm như thế nào ?

Không làm như thế sẽ lợi-hại ra làm sao?

Viết khoa-học chỉ có một lối, tiếng nước nào cũng vậy ; tiếng tây, tiếng tàu hay tiếng ta, tiếng độc-vận hay tiếng đa-vận cũng vậy.

I — Văn khoa-học có mấy loại chữ ?

Phải chia văn khoa học littérature scientifique ra làm hai loại chữ : Thường-ngữ tự và chuyên-môn tự. Trong loại chuyên môn tự lại phải để riêng những đẳng cấp danh tự riêng ra một mớ.

1. Thường ngữ tự. Các nhà ngữ-tự học người Pháp gọi là « langue commune. »

Thường ngữ, tha hồ mà dịch diễn. Thiếu một chữ để đạt một tư tưởng mới thì lấy những chữ đã có rồi, xếp đặt, gò gẫm, làm làm sao mà viết thành câu, cách kết-cấu minh bạch được là được.

Chữ thường-ngữ trong một thứ tiếng nào là tất cả những chữ đã có rồi trong thứ tiếng ấy. Chữ thường ngữ trong tiếng ta là tất cả những chữ ta vẫn có từ xưa, ai hiểu biết rành-rọt tiếng ta, dùng không lầm chữ, thì khi cần nói đến cái ý này tất phải dùng chữ này khi cần nói đến cái vật kia tất phải dùng đến chữ kia.

Thế là thường-ngữ trong văn khoa-học, chớ không phải thường-ngữ tự là những chữ chỉ dùng để nói chuyện tầm thường, không dùng để nói chuyện cao xa như triết-lý, khoa-học được đâu. Một chữ lúc đầu là chuyên môn tự, sau quen dùng, không có chữ nào thay nó được nữa, thì nó đã thành ra thường ngữ tự vậy.

2. Chuyên-môn tự Mots techniques

Một là ta có rồi, thì đối chiếu tiếng tây, tiếng ta.

Hai là chưa có.

« Chữ chuyên-môn đã thiếu là thiếu tất cả » không biết ông nào đã nói thế, khi viết bài này, tôi tìm đi tìm lại mãi không thấy. Ý ông muốn nói chữ chuyên môn mà đã thiếu thì dịch cũng không được. Dịch một chữ chuyên-môn bằng tiếng ta hay chữ nho để dùng nó như một chữ chuyên-môn không được. Lời đó rất phải, nếu dịch thì vẫn là thường-ngữ. Nếu dùng toàn thường ngữ trong văn khoa-học được thì đã không cần phải có một loại chữ gọi là chữ chuyên môn, tiếng nước nào cũng vậy.

Đã dịch thì ít gì cũng phải dùng từ hai chữ có sẵn trở lên mà một đoạn từ hai chữ trở lên để diễn một ý chuyên-môn (idée contenue dans un mot technique) là một đoạn thường-ngữ không phải một chữ chuyên-môn như người minh và người Tàu vẫn lầm từ trước tới giờ.

«Hình tam giác » hay «hình ba-góc» viết lối nào nữa, đúng nghĩa của chữ « triangle » biết mấy nữa cũng là thường ngữ, rõ cho người trông, không rõ cho người nghe, dùng trong câu làm chuyên-môn tự không được; nó không có tính-cách cỗi-rễ của chữ chuyên-môn, một loại chữ nhất định phải có. Nếu không có, văn khoa-học không thể minh-bạch được.

Không phải tự nhiên mà người Âu-châu có chữ chuyên-môn ; không phải không cần đến chuyên-môn tự mà lại vẽ-vời đặt ra chữ chuyên-môn. L'existence des mots techniques répond à une nécessité du langage, elle ne provient pas d'une fantaisie ni du hasard,

3. Đẳng-cấp danh tự les noms de la nomenclature d'une science.

Trong loại chữ chuyên-môn, lại phải để những danh-tự chỉ các vật-học của một môn (les noms désignant les objets d'une science) riêng ra một mớ, đặt sao cho có bộ, có hạng, liên căn thúc bá (en familles de mots) dầu có chỗ người Âu, người Pháp không làm hay chưa làm như thế cũng mặc. Có đặt như thế mới hợp với óc khoa-học. Những danh-từ ấy góp lại người Pháp gọi là « Nomenclature », tiếng nam tôi gọi là «đẳng cấp danh-từ» vì khi đọc nó lên phải thấy rõ hạng trên, hạng dưới, ngành trưởng ngành thứ.

Nói rút lại, nếu mình có thiếu chữ để viết khoa học bằng tiếng việt, là mình thiếu chữ chuyên môn. Mà đã thiếu chữ chuyên môn thì phải đặt những chữ mới tinh tạo ra mà dùng, dịch là thất sách.

Tiếng chuyên môn, nếu đối chiếu tiếng người tiếng mình, được chữ nào chữ ấy thì đã không thiếu, mà đã thiếu thì phải đặt ra mà dùng. Dịch thì ít nữa mỗi chữ của người, mình cũng phải dùng hai chữ của mình. Những đoạn câu từ hai chữ trở lên nó là những đoạn câu viết bằng thường-ngữ, chớ không phải chữ chuyên-môn, không có gì là tinh cacn của nnung chữ chuyên-môn cả. Les locutions de deux mots au moins sont des périphrases, des expressions composées avec des mots de la langue commune. Elles n'ont pas, à cause de cela même, la vertu des mots techniques.

Chỗ nầy là chỗ tối quan-hệ, xin các nhà khoa-học chuyên môn để ý, và xin các nhà văn sĩ, thi-sĩ đừng theo cảm giac của mình mà phiền lòng. Về khoa-học thì phải theo trí (la logique) chớ không theo tâm (impressions) được,

II + Chỗ nào cần phải có chữ chuyên môn ?

Muốn biết thế, ta phải tự hỏi chữ chuyên-môn dùng để làm gì ?

Chữ chuyên-môn là những chữ dùng riêng trong một khoa, tự vị nào cũng nói vắn tắt như thế.

Nói thế là chỉ nói đến cái công-dụng bề ngoài của những chữ chuyên-môn, chưa nói đến cái tinh thần bên trong, cái tính cách cỗi rễ của những chữ chuyên-môn.

Chữ chuyên-môn là chữ cần dùng đến luôn luôn trong một khoa để rút ý nghĩa của cả một đoạn, hay một câu. Ở trong thường ngữ những chữ như thế rút nghĩa của cả một đoạn, một câu người ta gọi là những chữ có nghĩa tỉ mỉ (mots précis.) Những chữ có cái nghĩa tỉ-mỉ dùng riêng trong một khoa học thì người ta gọi là chữ chuyên môn. Les mots techniques sont dans la langue scientifique ce que les mots précis sont dans la langue commune. Chữ chuyên môn với chữ tỉ-mỉ là cùng một loại vậy.

Làm sao mà biết khi nào cần phải có một chữ chuyên-môn ? Khi nào một ý cần phải nhắc đi nhắc lại, nói đi nói lại, gọi lên nhiều lần trong một khoa mà nếu cứ dùng thường ngữ thì ít gì cũng phải ghép từ hai chữ trở lên mới đủ nghĩa, thì khi đó phải đặt ra một chữ chuyên môn thế vào. Một ý cần phải ghép bằng hai chữ thường ngữ trở lên mới rõ nghĩa, mà lại phải dùng cái ý ấy hay cai đoạn hai cnữ trở lên ấy để làm một phần tử un terme của một mạnh đề d'une proposition thì khi đó phải tạo ra một chữ chuyên môn thế nào. Chớ không phải hễ người Âu, người Pháp có bao nhiêu chữ chuyên môn thì mình cũng phải có bay nh êu và chỉ bấy nhiêu chữ chuyên-môn thôi đâu. Nhiều hay ít là còn tùy ở cách đặt câu, riêng của mỗi thứ tiếng. Chữ chuyên-môn cũng như chữ tỉ-mỉ có bao nhiêu cũng vừa, chỉ có thiếu, không có thừa. Càng nhiều bao nhiêu câu văn càng giản dị rõ nghĩa bấy nhiêu. Tỷ-dụ người Phap có chữ chuyên môn *triangle* để chỉ tất cả các *hình có ba góc*, nhưng thiếu chữ chuyên môn để chỉ riêng cái *triangle isocèle*, cái *triangle équilatéral*, cái *triangle scalène*. Nhưng người Pháp không cần phải có những chữ thiệt chuyên môn thế vào mấy đoạn thường ngữ ấy, là vì theo cách đặt câu của người Pháp, những đoạn ấy để trong câu không lúng túng tối nghĩa bao giờ.

Những đoạn từ ngữ « triangle scalène, triangle isocèle, triangle équilatéral » tuy dùng riêng trong hình học mà không phải là chuyên môn tự. Chữ chuyên môn triangle ở đây đã thành ra thường ngữ tự rồi. Chỉ cần nói đến cái hình ba góc cũng phải dùng đến chữ triangle. Còn mấy chữ scalène, isocèle, équilatéral là những tĩnh tự có thể dùng để ghép với những danh tự khác được, nên mấy đoạn hai chữ đó toàn là thường-ngữ cả, không phải chuyên-môn-tự.

còn nữa

NGUYỄN TRỌNG-THUYẾT

HÃY ĐỌC

Triết học KANT

của Nguyễn đình Thi

Một viên gạch quý báu trong công cuộc xây đắp văn hóa nước nhà. Một học thuyết mở đường cho tất cả nền triết học Tây phương hiện thời.

Nhà xuất bản TÂN VIỆT — 48 — Takou — Hanoi

ĐÃ PHÁT HÀNH

VÀNG SAO

của Chế lan Viên

In toàn trên giấy vergé bouffant. Bìa do họa sĩ Lưu văn Sin trình bày.

Giá 2p50

Sắp có bán

Triết học NIETZSCHE

Du - ký

TỪ HANOI ĐẾN HỒ BA BỂ

Số 10

NHẬT-NHAM

TRONG khi chờ hai người phu đò ăn cơm trong xóm, chúng tôi cho dắt ngựa bơi qua sông, rồi theo đường bộ, vòng quanh ra bến phà, đáp phà chở qua bề Pé-lù, sang bến Keo siu là đầu con đường bộ đi Chợ rã.

Một lúc sau, hai người lái đò đem ván ra bắc ngang trên mặt thuyền, giải chiếu sạch sẽ, rồi sang bên này sông, đón chúng tôi. Sau khi mọi người đều an tọa, thuyền từ từ ra khơi thì viên kỳ mục sực nhớ đến cái điếu cầy để quên trong xóm. Cái điếu cầy đối với dân thổ trước là bạn đồng hành không thể rời ra một lúc. Ngồi thuyền quá nửa là người thổ mà thuyền còn phải lênh đênh trên mặt nước từ lúc khởi hành 10 giờ sáng cho đến tối, nếu không có điếu cầy thì cuộc ngoạn du sẽ buồn tẻ cho họ biết mấy ! Vì vậy thuyền lại áp bến bên kia cho viên kỳ mục chạy vào trong xóm lấy điếu. Khi viên kỳ mục trở ra, cái điếu đều được toàn - thể đồng chủng hoan nghênh nhiệt liệt và chuyền tay nhau âu yếm, lần lượt rít lên từng hồi như tiếng loa khi sắp đem quân ra trận.

Giang hồ quen thói vẫy vùng
« Điếu cầy » một chiếc, non sông một chèo.

Rồi trông vời trời bể mênh mông, con thuyền rẽ nước vào hồ Ba bể.

Vừa ra khỏi cửa sông Tả - điềng, hai người lái đò đứng trông thấy nhiều cá vào trong lưới chăng gần cái giay chăng, cam đầu giay giật lưới, cá đều mắc lưới không ra được. Hai người lái đò tuổi chưa đầy hai chục, nhanh nhẹn cởi quần áo, để hai đầu thuyền, rồi mặc khách vơi thuyền lênh đênh trên mặt nước, nhảy xuống hồ, bơi ra chỗ chăng lưới, hụp, lặn để mò cá. Họ tỏ ra là những tay rất giỏi trong làng bơi lội, nên không bao lâu, sau những lần hụp xuống đáy nước lại được một con cá to đem lại vứt vào trong thuyền. Cứ như thế cho đến khi bắt được sáu con cá to, trong lưới không còn gì nữa, hai chú lái lại chăng lưới lên cái khung nửa vuông, rồi bơi lại thuyền, trèo lên mặc quần áo. Thế là một dịp may cho chúng tôi tình cờ lại được nếm sản vật hồ Ba bể. Chúng tôi mua tất cả sáu con cá, để cả trong đáy thuyền đem theo.

Rồi liên tưởng đến chuyện Tô-Đông-Pha đem rượu và cá đi chơi Xích-bích, tôi càng bồng bột hào hứng trước cảnh núi man - mác, hồ mông mênh, nước bạc lẫn da trời một sắc, chim ngàn theo mây trắng cùng bay.

Thuyền lại từ từ ra khơi. Trong bể Pé-lù, có hai cái gò tên là Pò-già-mải tục truyền là di tích nền nhà, chuồng gà và chuồng lợn của người quả-phụ từ-thiện từ xưa còn lại, không bị sụt xuống thành bể.

Theo *Lĩnh Nam trích quái*, tục truyền : *« Xưa tại làng Nam-mẫn, là địa phận Ba bể ngày nay, có thiết lập trai đàn, thập phương nô nức lũ năm, lũ bảy kéo nhau tới xem rất đông. Một bà lão mình gia sức yếu, ăn mặc đã rách rưới, thân thể lại đèo thêm bệnh hủi, đi khất thực mọi người.*

« Nhưng từ sáng đến chiều, đi đến đâu, cũng bị mắng đuổi, không sao xin được bữa ăn. Tối đến, bước chân ra về, may gặp mẹ con một người quả phụ làng Nam-mẫn có lòng từ-thiện, đem dạ cưu mang, nên qua cơn đói khát.

« Tối, về tới nhà, mẹ con quả phụ đã thấy bà lão ăn mày vào xin ngủ trọ.

« Mẹ con nhà từ-thiện cũng vui lòng đón người hủi vào nhà, ân cần tiếp đãi và cho ngủ nhờ trong một căn buồng tịch-mịch.

« Sang hôm sau, người hủi dậy, bảo chủ nhà : « Hôm trước, tôi xem đám chay, thập phương rất đông, nhưng đều là gươm trăm, giáo mác, bị vô minh che phủ từ đoan, không ai còn bụng nhân từ, tất rồi đây sẽ phải chịu cái khổ trầm luân. Duy mẹ con bà có chút lòng nhân hậu đã cứu người cơ cận qua cơn đói khát, Ta xin trả ơn phiền mẫu bằng nhời dặn sau này : « Nay mai, xứ này sẽ diễn nên cuộc tang thương biến cải. Hễ thấy sự gì khác thì mẹ con bà phải kíp dời nhà cửa lên ở trên cao nguyên, chớ có tham luyến nơi này mà mang họa ! »

« Rồi người hủi từ biệt ra đi. Không ngờ nhời người hủi dặn, chẳng bao lâu đã thành sự thực.

« Trong khi mọi người đương mải miết xem cuộc làm chay thì tự nhiên một giòng nước từ dưới đất phun ra, làm lở cả một đất, trước xoáy thành hố, sau dần dần đất lở rộng thành đầm, rồi thành hồ, thành ba cái bể to ước hai ba dặm ; duy còn lại hai cái gò là nền nhà và chuồng lợn, chuồng gà của mẹ con người quả phụ, ngày nay thường gọi là Pò-già-mải.

« Trước đó, mẹ con quả phụ nhớ nhời người hủi đã bỏ nhà di-sư đến chân 1 dãy núi cách xa ba dặm đường, rồi lưu trú tại đó. Về sau sinh sản mỗi ngày một nhiều... »

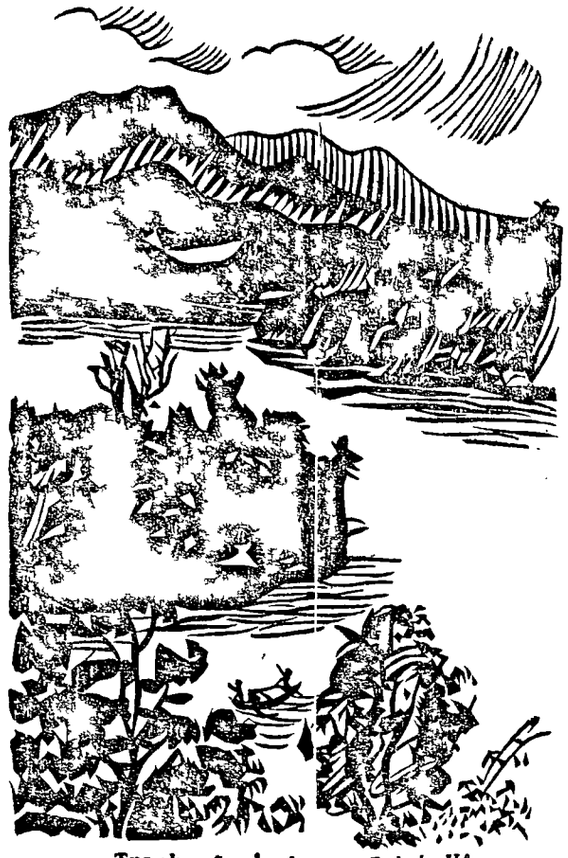

Tranh vẽ của họa-sĩ Trịnh-Vân

Lạ lùng mắt thấy cảnh xinh thay !
Ba-bể khen ai khéo khéo bày !
Phẳng-lặng nước mây quanh núi mọc,
Nhấp-nhô gò đảo, lựa thành xây.
Sao dời, vật đổi, hồ không khác.
Gió táp, mưa sa, cảnh vẫn đây.
Trịnh, Mạc khi xưa tụng diện vũ,
Gây nên thịnh-trị bấy lâu nay.

Thuyền qua gò Pò-già-mải, trông thấy trên bờ hồ, đỉnh ngọn núi một ngôi nhà tây đồ sộ, cao hơn mặt bể 15 thước tây. Đó là nhà khách-sạn để du khách nghỉ đêm, do một người đội khố-xanh giữ chìa khóa trông coi.

Tiếng tây gọi là Bungalow, đứng trên trông xuống, có thể thu được hết cảnh Ba-bể vào trong nhãn-giới. Cạnh Bungalow, có chợ Ba-bể. Dưới chân đồi là bến phà.

Đương khi ấy, phà chở hai con ngựa và hành-lý của chúng tôi cũng bắt đầu nhổ sào sang ngang.

Một lúc thuyền chúng tôi đã áp bến phà bên kia. Bến này là bến Keo-siu, bắt đầu con đường hàng tỉnh Backan số 188 đi Chợ-rã. Sở dĩ chúng tôi cần áp thuyền lên bộ, vì trên bờ Keo-siu, có dựng một tấm bia đá ghi lịch-sử hồ Ba-bể, chúng tôi muốn tới đó, để ghi chép lòng bia.

Nhưng tiếc thay, bia dựng giữa trời, phó mặc cho gió dập, mưa vùi, mà theo thời-gian, rêu phong in dấu tang thương, không sao còn có thể xem được hết lòng bia, dù đã tìm hết cách, như lấy gạch, lấy lá bôi lên mặt bia, mà cũng vô hiệu !

Duy chỉ nhận được bia dựng năm Khải-định thứ chín Giáp-tý mạnh xuân (1). Mới trong vòng mấy chục năm gần đây mà xem như một tấm bia, cuộc biến-thiên đã lắm !

Vì chúng tôi định tối hôm ấy, sau khi đi du-ngoạn các nơi, sẽ theo đường thủy về lưu-trú tại Bản-vài ngay cạnh đường đi Chợ rã, cách Chợ-rã 8 cây số, nên chúng tôi cho đưa ngựa, các đồ hành-lý và thực-phẩm theo đường bộ đến Bản-vài trước. (Bản-vài cách Ba-bể 8 cây số). Theo lệ vùng này, một khi nơi nọ sang nơi kia, thường đem theo thực-phẩm, đến nơi cứ việc nấu lấy mà ăn. Hôm ấy, từ sáng ra đi chúng tôi đã cho gánh theo gà, gạo, sau lại thêm sáu con cá mới bắt được tại Ba-bể, bèn cho gánh cả về nhà lý trưởng Bản vài, làm cơm chiều sẵn, để tối đoàn du lịch về tới nơi, cứ việc ăn uống no say.

Rồi chúng tôi lại xuống thuyền đi du ngoạn. Trong thuyền lúc đó có tất cả 12 người trên một cặp thuyền đọc mộc « chèo chèo chở » qua các bể để thưởng ngoạn.

Tại sao lại gọi là hồ Ba bể ?

Giữa hồ dài ước 8 cây số và rộng 3 cây số, có núi đá đột khởi, phân làm 3 khu vực, thành ba cái hồ to, gọi là Ba-bể tức là Pé-lù, Pé lầm, Pé leèng. Bể Pé - leèng thuộc địa phận xã Tiêu-loan có sông Tà-lèng phát nguyên từ xã Bằng-phúc chảy vào.

Còn hai bể Pé-lù và Pé-lầm thuộc địa-phận xã Nam-mẫu.

Còn nữa

NHẬT-NHAM

1. Nhưng mấy chúng tôi đã nhờ người khảo được bài bia này, xin sẽ dịch đăng ở một số sau.

TRẦN-CÔNG-SÁN (1731-1788)

TIÊN-ĐÀM

ÔNG Trần-công-Sán là người làng Yên-vỹ, tổng Yên-cảnh, phủ Khoái-châu, tỉnh Hưng-yên. Thân-phụ hiệu là Tinh-mẫn, vốn nhà nghiệp nho.

Ông sinh năm Tân-hợi (1731) đời vua Lê Đế Duy-Phường (1), thụ-nghiệp với cha, niên-hiệu Cảnh-hưng thứ 33, 1772, đỗ Tiến-sĩ khoa Nhâm-thìn, được bổ làm quan, sung chức Hiến-sát, Tham chính.

Năm Canh-tý 1780, ông phụng-mệnh đi sứ Tàu, thanh danh lừng lẫy ở nước ngoài.

Đến năm Nhâm-dần 1782, đi sứ về, được thăng làm ngự-sử, ước Luyện-trạch hầu.

Năm Ất-tỵ 1785, thăng chức Tham-tụng; đến năm Bính-ngọ 1786, gặp loạn, chính ông là người đã đứng ra lo toan mọi việc để bảo toàn cho tôn miếu xã-tắc nhà Lê. Vua Lê rất ý-trọng, cất ông lên chức Hình-bộ thượng-thư đồng bình-chương sự.

Khi ấy quân Tây-sơn kéo ra Bắc, lão tướng là Hoàng-phùng-Cơ thua trận, Bắc-bình vương Nguyễn-Huệ thúc quân nhằm thành Thăng-long thẳng tiến. Các quan sợ hãi đều bỏ trốn cả, chỉ còn một mình ông Trần-công Sán mặc nhung phục, đeo gươm, bộ giá lên lầu Ngũ-long, quyết giữ lấy kinh-thành.

Khi quân Tây-sơn vào thành, nhà vua sai các quan đón tiếp Bắc-bình vương Nguyễn Huệ. Các quan thấy Nguyễn Huệ có hy-vũ, đều sợ hãi cả, duy có Trần-công-Sán tiến thoái như thường, vẫn giữ được vẻ đường-hoàng và phong thể của một vị đại thần.

Nguyễn-Huệ thấy cử chỉ như vậy, lấy làm lạ, bèn gọi ông hỏi truyện Bắc-hà. Ông đối đáp như thường, không chịu câu nào khiếm lý, lại còn nhiều câu làm Nguyễn-Huệ phật ý, nhưng hễ vặn lại thì ông lại tùy cơ mà ứng đối được rõ ràng, không chịu khất.

Nguyễn-Huệ gọi Nguyễn-hữu-Chỉnh mà bảo rằng: « Trước ta nghe nói Bắc-hà có nhiều nhân-tài, nay ta thân đến nơi, mới biết chỉ có một mình Trần-công-Sán là có nhân sắc mà thôi ». Bởi vậy, Nguyễn-Huệ có ý kính-trọng Trần-công-Sán.

Khi quân Tây-sơn rút về Nam, Nguyễn-hữu-Chỉnh chuyên quyền, xui vua Chiêu-Thống đòi lại trấn Nghệ-an.

Năm Đinh-vị 1787, sau khi Triều-đình bàn việc chọn người đi sứ Tây-sơn, các quan đồng thanh cử Trần-công-Sán. Vua cho vời Sán đến, dụ rằng: « Nghệ an với Thanh-hóa là thang mộc ấp của bản triều và đất ấy là nanh vuốt của Triều-đình, quân túc vệ đều tuyển ở trấn ấy cả. Như thế mà ở trong tay Tây-sơn chiếm lấy, trẫm không muốn để người giữ lâu được. Nay trẫm muốn sai người vào Phú-xuân, cùng với vua Tây-sơn thương nghị việc ấy. Trẫm vốn biết khanh là người trung nghĩa, vậy khanh nên vì trẫm mà đi một phen. Xưa người Phú-Bật nhà Tống sang sứ rợ Khiết-đan, vì tài giỏi của ý khiến quân Khiết-đan phải kính phục, nên việc nước mới xong. Nay trẫm muốn khanh giúp trẫm cũng như người Phú-Bật vậy ».

Vua Chiêu-thống bèn phong ông làm chánh sứ và sai Hoàng-thân Lê-duy-Án cùng đi, còn chức phó sứ thì cho ông được tự chọn lấy.

Ông cương quyết xin đi mà tâu rằng: « Vua lo thì bầy tôi nhục, kẻ hạ thần không dám ngại công khó nhọc, hạ thần xem trong triều chỉ có Ngô-Nho là xứng đáng sung chức phó sứ. » Nhà vua ưng chuẩn, sai lấy vàng bạc trong kho cùng quốc-thư giao cho ông đem đi. Lại sai các quan theo tiễn hành.

Khi đi, ông có căn dặn Nguyễn hữu-Chỉnh rằng: « ... Sau khi tôi đi, ông nên để ý, đừng có cơi thường. Nên chia quân đóng đồn ở dọc núi Thanh-hóa để ngăn cản bộ binh của Tây-sơn, còn các cửa bể về mạn Sơn-nam thì nên đóng cọc để chặn chu-sư của họ. Nếu họ bội ước mà đến đánh thì ta đã có sẵn để trị họ trước, lâm thời không đến nỗi bối rối vội vàng. »

Chỉnh cho là phải, nhưng không làm theo.

Dọc đường, phó sứ Ngô-Nho bàn với ông sửa lại quốc thư để cho sứ bộ được toàn vì Ngô-Nho biết Bắc bình-vương Nguyễn Huệ là người nghiêm khắc chắc không chịu giả trấn Nghệ-an. Ông gạt đi mà nói rằng: « Chúng ta vâng mệnh đi sứ, mới ra ngoài cõi đã toan chữa quốc thư, mạo chúa, chẳng những chúng ta mang tội với nhà vua, mà nếu bên địch biết chỗ đó là lừa dối, cũng sẽ không dung mình. Như

vậy, tai vạ lại càng to, tiếng chê cười để lại nghìn thu. Bất nhược ta cứ minh bạch mà làm việc; còn thắng bại là tại giời ».

Đi đến huyện Quỳnh-lưu, tướng trấn-thủ của Tây-sơn là Vũ-văn-Nhậm kiểm điểm các lễ vật, rồi chỉ cho ba vị sứ thần và 18 người tùy tòng được đi, còn bao nhiêu bắt trở về cả.

Khi đến Phú-xuân, Trần-công-Sán, sau khi đem lễ vật đệ nạp trình lá quốc-thư. Bắc-bình-vương mở xem hết một lượt, ném xuống đất mà quát rằng:

— Người nào làm thư này, nói toàn một giọng vô nghĩa lý! Người Bắc chỉ quen lấy khẩu thiệt mà dối người, nhưng ta có phải trẻ con dâu mà lừa dối được

Trần-công-Sán vẫn không đổi nét mặt, chỉ ung dung thưa rằng

— Xin Đại-vương bớt giận để tôi xin nói rõ, dù có muốn giết tôi, tôi cũng xin nói một câu rồi sẽ chết.

Bắc bình vương vốn trọng ông liền đổi nét mặt mà nói rằng:

— Trước đây, ta vượt bể, đem binh ra Bắc, phá Thăng-long, giệt họ Trịnh, đánh có một trận mà bình cả thiên-hạ, lúc ấy ta muốn xưng đế, xưng vương gì mà không được, chỉ vì ta hâm-mộ các thịnh đức của Tiên-đế mà ta mang cả giang sơn giao trả lại, như thế cái cơ-nghiệp nhà Lê ngày nay có phải một tay ta tái tạo hay không? Thế mà vua Lê phong cho ta chức Thượng-công để đền ơn, ta chẳng biết chức Thượng-công là danh-hiệu gì cả. Sao không nhớ lúc Tiên-đế thăng-hà, bao nhiêu sơn lăng, đại-lễ, do tay ta trù-liệu; đến lúc sách lập Tự-tôn lên làm vua, cũng do tay ta làm chủ. Thế mà không biết ơn, lại dung túng một kẻ làm phản ta là Nguyễn Hữu-Chỉnh, để kháng-cự với ta và mưu tranh đất Nghệ-an, như thế có nhịn được không? Những việc ấy, chắc các ngươi biết cả.

Ta đã phái Vũ Văn-Nhậm mang hai vạn binh mã bắt cha con tên Chỉnh chém đầu dâng nộp. Chắc tên Chỉnh nghe tin đại quân đến, thế nào cũng mang vua Lê chạy trốn. Đương lúc mũi tên hòn đạn không phân ngọc đá chẳng hay Tự-tôn có thoát nạn không! Nếu vua Lê có mệnh hệ nào, người Bắc lại qui-oán vào ta!

Ông Sán đáp:

— Xưa vua Lê Thái-Tổ bình giặc Ngô, gây dựng giang sơn, công đức như giời bể, đến vua Thái-Tôn kế trị, lập ra biết bao điển-tắc để cho nhân dân được hưởng thái bình. Từ núi Thạch-bi trở ra Bắc, từ núi Đai-lĩnh vào Nam đều quy phục cả. Trung gian họ Mạc nổi lên xâm-chiếm, trong nước ai cũng căm giận. Rồi đến Tiên-chúa cử hợp các đồng chí, khôi phục lại được như cũ; dĩ chí chúa Trịnh thiệu lệnh được bốn phương cũng vì lấy danh nghĩa phù Lê, khiến cho mọi người hưởng ứng. Tuy mấy đời nay chúa Trịnh chuyên quyền áp chế, nhưng chính sóc (2) vẫn theo nhà Lê, như thế thì thiên hạ vẫn còn là của nhà Lê cả.

Ngày nay, Đại-vương uy thanh lừng lẫy, xá giá thẳng vào kinh thành dễ dàng như vậy cũng là vì nhờ cái tiếng tôn phù nhà Lê. Lúc ấy, nhà vua tiếp kiến Đại-vương bao phần long trọng, trước phong tước công, sau tiến lên tước vương: đó là điển cũ của bản triều, không phải là báo đáp không hậu. Đại-vương không nên cho thế là bạc. Đại-vương đem giả lại giang sơn cho nhà Lê cũng là thuận ý trời và theo sự mong mỏi của nhân-dân. Tiên-đế mất đi, Tự-Tôn mới lập, việc gì cũng phải thỉnh mệnh Đại-vương. Đại-vương không làm chủ thì ai làm chủ?

Còn khi Đại-vương lui quân về Nam, lưu Chỉnh ở lại Nghệ-an, sao lại bảo hắn làm phản? Trấn Nghệ-an, thuở trước vẫn của bản triều, bản triều muốn giữ bờ cõi, sao gọi là tranh? Còn Đại-vương phái binh mã ra Bắc, nếu để thăm hỏi, sẽ có lễ nghênh tiếp; bằng không thì cũng giống như câu « nước lớn có quân đánh dẹp, nước nhỏ có cách chống giữ » Tôi nay đã ra khỏi xứ Bắc, không dám biết đến. Còn Tự-hoàng, trời cho làm vua, đế vương có chân mệnh, gươm dáo cũng phải tùy người lựa chọn. Đại-vương hà tất phải lo? Nếu Đại-vương thuận lẽ trời mà làm, thời thần dân trong nước ai mà không cảm phục công đức? Còn như việc đổi thay đổi thời kẻ ngu thần này không sao biết được

Biện-luận mãi, trời sắp tối, Bắc-bình vương bảo Sán rằng:

— Thôi, hãy cho ra nhà trọ nghỉ lại cho kỹ.

Sán đáp:

— Tâu Đại-vương, nghĩ lắm chỉ thêm quẩn thôi, ngày nay kẻ ngu thần này chỉ một chết là xong.

Bắc-bình-vương nổi giận, sai bắt bỏ ngục.

— Trần-công Sán vào ngục vẫn cười nói như thường, nhân viết lên vách hai câu:

Đạt đức hữu tam, tùng vị năng chi, nguyện học;

Tiểu tâm vô nhị, hành kỳ tố dã, hà vưu?

(Đức thường có ba điều, nếu chưa đủ, xin học. Lòng mọn

không hai, làm theo ý mình, còn oán hận gì).

Đình thần Tây-sơn thấy thế, tâu với Bắc-bình vương xin đem giết đi, Bắc-bình vương thương vì tài, không nỡ, bèn bàn với cận thân là Trần Văn-Kỷ và Vũ Văn-Trụ rằng :

— Ta xem nhân tài Bắc-hà được như Trần Công-Sán cũng ít có. Ta muốn thu dụng, vậy các ngươi thử dụ xem.

Hai người vâng lệnh, đến ngục thấy Trần Công-Sán đeo gông nằm trong ngục, liền hỏi ;

— Người sao tự mình lại làm khổ mình như vậy ?

Sán giả nhời :

— Mệnh như thế !

Trần Văn-Kỷ vặn rằng :

— Quân-tử có khi không cần phải theo mệnh cũng như đánh bạc, đồng tiền có khi sấp, khi ngửa. Ta phải theo người được bạc.

Sán đáp ngay :

— Đó là mẹo bạc của quân cờ bạc, không phải là đạo của sĩ quân tử, ta thường nghe : « làm tôi phải giữ lòng trung mà chết». Đấy là nhời răn của thánh hiền.

Hai người biết Sán lòng như sắt đá, đành giở ra mà than rằng :

— Nhà Hán có Tô Tử-Khanh, nhà Lê có Trần Công-Sán, thật đáng thương ! mà cũng thật đáng ghét !

Lúc ấy có thư của vua Tây-sơn Nguyễn-Nhạc gửi đến kể tội Bắc-bình vương. Bắc-bình vương sắp mưu đánh nhau với anh, mới sai bảo các đình thần rằng :

— Nay trong nước ta đang có việc, mà để mãi sứ Bắc-hà ở đây, e tiết-lộ nội tình. Chi bằng thả họ về, rồi cho cả xuống bể cho mất tích.

Rồi, Bắc-bình vương sai Đô-đốc Nguyệt sắm sửa thuyền bè nói là đưa sứ Bắc về nước.

Bọn Trần Công-Sán vào bái biệt, Bắc-bình vương lại dụ rằng :

— Các ông cứ về trước, chờ ta ra Bắc sẽ bàn nốt việc trấn Nghệ-an.

Rồi sai đem 100 lạng bạc đưa cho bọn Trần Công-Sán mà bảo rằng :

— Đây là bạc của Công-chúa (3) đưa tặng, các ông phải thu nhận không được từ chối.

Tháng ba, năm Đinh vị (4), hiệu Chiêu-Thống năm đầu (1787), thuyền của Đô-đốc Nguyệt ra đi, được 10 ngày đến cửa bể Đan-nhai, thuộc trấn Nghệ-an

Lúc ấy có người giám-sinh, học trò của Trần Công-Sán, vốn quê ở Nghi-lộc, nghe tin thày đi sứ qua, mừng rỡ ra đón chào. Nhân thấy mặt mũi viên hộ tống sứ thần (Đô-đốc Nguyệt) có vẻ hung-ác, mới sẽ khuyên Trần Công-Sán đi đường bộ về Bắc.

Đô-đốc Nguyệt không nghe, nói thác là mình vâng mệnh phải đưa sứ-giả đi đường thủy cho thuận tiện và được bình-yên.

Rồi đó cả sứ bộ lại lên thuyền ra bể khơi. Khi ra đến giữa bể, Nguyệt ngầm sai đục thuyền dìm bọn Trần Công-Sán xuống bể

Hôm ấy nhằm ngày 11 tháng tư năm Đinh-vị (5) hiệu Chiêu-Thông năm đầu (1787).

Làm xong việc hung ác ấy, Đô-đốc Nguyệt lại phao lên là thuyền bị gió bão mà đắm để che lấp cái tội giết sứ.

Mùa đông năm ấy, vua Chiêu-Thống được tin, lấy làm thương tiếc, bèn truy-phong cho ông là Trung-liệt và phong làm phúc thần ở quê nhà.

Hiện nay ở khu bể ấy có nổi lên một cái bãi rất to, giữa bãi là cái gò cao trên chỏm quanh năm không có cỏ mọc (tương truyền là mộ ông Trần Công-Sán), nhân dân gần đấy có lập đền thờ (tức là về địa-hạt thôn Nhạ-khê, xã Phú-hậu, tổng Bồng-hải, tỉnh Ninh-bình bây giờ).

Ở cố-hương, xã Yên-vỹ truy tư ông là một vị trung thần, liệt sĩ, có lập đền thờ, lịch triều phong làm « Nẫm trứ linh ứng, dực bảo, trung hưng trung đẳng thần ».

Trong *Việt-sử tổng vịnh*, vua Dực-Tông có thơ rằng :

Đầu thư hổ huyệt khởi thân ưu,
Hồi thủ đình-ninh dự bị mưu (7).
Kháng biện lỗ đình từ lý chính :
Tử trung nguyên bất đãi trầm chu.

DỊCH

Hang cọp dâng thư há quản mình ?
Dặn ai, còn vẳng tiếng đình ninh. .
Lời ngay, lý cứng khi tranh luận.
Chẳng đợi dìm thuyền cũng chết vinh.

TIÊN-ĐÀM

---

1. Ở gia phả lại ghi là niên-hiệu Long-Đức, đời vua Thuần-Tông, tức là vào những năm Nhâm-tý (1732) đến Kỷ-mão (1735).

2. Theo điển-lễ của ta thì ngày mồng một tháng giêng chỉ có nhà vua có quyền thay đổi. Còn chính sóc tức là quyền cương hãy còn thuộc về nhà vua.

3. Tức là Ngọc-Hân Công-chúa con gái vua Lê Hiển-Tông.

4. Ở gia-phả chép là năm Mậu-thân, tức là niên-hiệu Chiêu-Thống thứ hai (1788).

5. Ở gia-phả chép là ngày 11 tháng tư năm Mậu-thân, tức là niên-hiệu Chiêu-Thống thứ ha (1788).

6. Bài này thuật theo Khâm-định Việt-sử, Hoàng Lê nhất thống chí và gia-phả cùng thần-tích ở xã Yên-vỹ, tổng Yên-cảnh, phủ Khoái-châu do ông Trần Công-Đĩnh là chánh-tổng và tiên-chỉ xã ấy sao cho Xin cảm tạ.

Về việc đi sứ này, các bạn đọc thân yêu có tìm thêm được điều gì xin bổ túc cho.

7. Chỉ việc Công-Sán dặn Chỉnh để tậm phòng thủ.

Cách xếp-đặt chữ nho trong

TỰ-ĐIỂN

SỐ 5 ĐÀO-TRỌNG-ĐỦ

Thí-dụ:

chữ hòa 和 bộ hòa 禾 hay bộ khẩu 口 ?

dục 浴 bộ cốc 谷 hay bộ thủy 氵 ?

hợp 合 bộ nhân 人 bộ nhất — hay bộ khẩu ?

Tiêm 遘 bộ viết 曰 bộ nhật 日 bộ chuy 隹 hay bộ 辶 sước ?

Muốn bồi-bổ chỗ khuyết điểm này, nên phân-loại hán-tự theo tự-mô phân bộ (xem đoạn trên classification d'après les subdivisions du carré calligraphique. Bao nhiêu chữ khó tìm, sẽ xếp vào loại đơn-tự, dùng phương-pháp mới để phân-biệt. Những chữ phức-tự còn lại, vẫn xếp theo bộ như cũ, nhưng những bộ giữ lại, phải chỉ-định theo tượng-hình, không cần xem xét đến ý-nghĩa Les caractères divisibles seront classés en clés comme dans le dictionnaire Khang-Hy, mais les clés à conserver seront déterminées d'après leur forme calligraphique, sans tenir compte de la signification qu'elles peuvent avoir.

Bộ lại chia-ra hai loại: bộ ổn-định và bộ bất-thần. Bộ ổn-định (clés stable) là những bộ có một vị-trí nhất định trong khuôn chữ, thí-dụ, bộ tật 疒 bao giờ cũng ở góc bên tả phía trên. Hay là những chữ bao giờ cũng phải coi là bộ, thí dụ chữ vũ 羽 bất luận ở trên, ở dưới, bên tả, bên hữu, đều phải coi là bộ cả. Bộ bất thần, (clés occasionnelles,) là những chữ, có khi là bộ, có khi không, thí dụ chữ mã 馬 ở bên tả chữ các 各 là bộ, ở bên hữu chữ thạch 石 lại không Đoạn «hán tự đối số phân loại» sẽ bàn thêm.

2°/ Đều khuyết điểm thứ nhì, là phải tìm các bộ ở vào quãng nào trong tự điển. Lại một cái khó nữa là hai trăm mười bốn bộ thủ, nhớ sao cho xuể được. Vì thế, nên Khang-Hy tự điển chia ra 36 quyển, theo thứ tự 12 chữ tý, sửu, dần, mão, thìn, tỵ, ngọ, mùi, thân, dậu, tuất, hợi. Muốn tra cho mau, phải học thuộc bài thơ:

Nhất nhị tý trung tầm.
Tam bút vấn sửu, dần.
Tứ hoạch mão, thìn, tỵ.
Ngũ tại ngọ trung tầm.
Lục bút mùi, tuân, dậu;
Thất tại dậu trung tầm.
Bát, cửu vấn tuất bộ.
Kỳ dư hợi trung tầm.

Hoặc dùng tự-điển do người Âu-Mỹ xuất-bản, cách thức xếp đặt, cũng theo một thứ tự như Khang-Hy, nhưng đánh số vào các bộ thủ, từ 1 đến 214 Tuy có tiện hơn tra bằng 12 chữ tý sửu dần mão.. nhưng vẫn phải tra bảng bộ thủ trước, rồi mới tra tự điển sau. Muốn tra cho mau, phải học thuộc lòng hai trăm mười bốn con số biểu-hiệu cho 214 bộ. Bộ Nhất — số 1. bộ cổn 丨 số 2, bộ chủ 丶 số 3 .. bộ mộc 木 số 75, bộ hỏa 火 số 86, cho đến bộ qui 龜 số 213, bộ thược 龠 số 214. Cũng không dễ gì hơn học thuộc lòng bài thơ Tý-sửu-dần-mão .

Đều khuyết điểm thứ ba là có bộ rất nhiều chữ. Trong tự vị Khang-Hy, bộ thảo 艹 có 1956 chữ, bộ thủy 水 có 1645 chữ, bộ thủ 才 có 1322 chữ, bộ khẩu 口 có 1246 chữ. Thành thử lại phải dùng đến số nét mới phân biệt được những chữ cùng một bộ Nhưng chữ số nét giống nhau vẫn nhiều. bộ thảo 艹 trong Khang-Hy tự điển có đến 205 chữ tám nét. Muốn tra những chữ cùng bộ, và số nét như nhau, chỉ còn một cách rất phiền phức, là dò từng chữ một Có khi tìm đi tìm lại hai ba lần mới thấy, vì đếm nhầm nét hoặc dò qua mà không để ý đến.

Như đoạn trên vừa nói, 214 bộ thủ của Khang-Hy tự điển phải sửa đổi ít nhiều mới có thể dùng để xếp đặt bán tự trong tự điển được. Có bộ nên bỏ, như các bộ một nét, và những bộ ít chữ và khó tìm, như bộ thập 十 bộ bốc 卜 bộ đại 大 bộ tiểu 小 bộ uông 尢 bộ kỷ 巳 bộ cấn 艮 vân vân.. Có bộ nên chia ra làm hai, như bộ y 衣: một bộ y bên tả như chữ sam 衫 chữ tụ 袖 một bộ y chia ra nửa trên nửa dưới, như chữ suy 衰 chữ lý 裏 Bộ nào giữ lại phải làm cho nhất luat như nhau. thí dụ chữ tuần 巡 không nên xếp vào bộ xuyên 川 chữ ai 哀 đừng để lạc vào bộ khẩu 口 vân vân.. Còn cách xếp đặt các bộ thủ, sẽ theo phương-pháp mới là hiệu-mã phân-loại.

E. Hiệu-mã phân-loại, (classifications chiffrées)

Hiệu-mã phân-loại do Vương-vân-Ngũ phát-minh, vào khoảng năm 1925. Tác giả vì xem qua cuốn sách qui tắc đánh giây thép (code télégraphique), mà nghĩ ra cách mới này. Thí dụ: muốn đánh chữ bất năng, người tầu tra code xem hai chữ ấy ở trang nào dòng nào, rồi lấy số trang số dòng đánh thay vào.

Còn nữa

Bia văn-miếu

Những ông nghè triều Lê

Số 40

Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

BIA khoa ất-mùi năm 1475 chép tên sáu ông chấm thi, là ông Trịnh-công Lộ, Hoàng-nhân-Thiêm, Trần-Phong, Thân-nhân-Trung, Đỗ-Nhuận và Quách-đình-Bảo.

Tiểu-sử ba ông dưới đã đăng trong *Tri-tân*; số 59, trang 9 nói về ông Đỗ Nhuận; số 25, trang 23 và số 61, trang 9, nói về ông Trần-nhân-Trung; số 49, trang 10, nói về ông Quách-đình-Bảo.

Nay chỉ phải chép truyện ba ông trên, là ông Trịnh-công-Lộ, Hoàng-nhân-Thiêm và Trần-Phong.

Ông *Trịnh-công-Lộ* là người làng Kim-bôi, huyện Vĩnh-ninh, con quan thái-úy Trịnh-Khả, được quốc-tính là họ Lê. Đến tháng chạp năm Quang-thuận thứ năm, 1464, có chiếu cho những người theo quốc-tính lại được theo họ cũ, nên sau lại chép là Trịnh-công-Lộ. Theo bộ *Khâm-định việt-sử thông-giám cương-mục*, quyển 20, tờ 30a, « Trịnh-công-Lộ làm quyền đô-đốc phủ Đông-quân; năm Quang-thuận thứ tám, 1467, đánh giặc không được công, bị triệu về; vua Lê Thánh-tôn bèn sai Nguyễn-đức-Trung quyền cai-trị trấn An-bang, tiết-chế các quân. Trịnh-công-Lộ từ An-bang về, dâng bốn điều tiện-nghi: một là lập đồn Tân-an ở Vạn-ninh để phòng-bị giặc ngoài; hai là chọn đặt một chức hương-trưởng cho làm đầu trong giáp ấy, để cho có quyền thống-nhiếp; ba là chọn người có tài văn võ để làm trấn-thủ; bốn là lấp con đường quan-ải không cho dẫn cây phá rừng, mở đường đi lại, để đến nỗi mất về hiểm-trở của thiên-nhiên.» Năm 1462, Trịnh-công-Lộ có sang sứ nhà Minh; *Khâm-định Việt-sử*, quyển 19, tờ 22b-23a, chép rằng: « Trước đây vua Lê-Thánh-tôn sai lũ Đinh-Lan, Nguyễn-Phục, Nguyễn-đức-Do sang nhà Minh cáo về việc tang vua Nhân-tôn, 1442-1459 lũ Nguyễn-nhật-Thăng, Phan-duy-Trinh, Nguyễn-Tự sang cầu phong. Nhà Minh sai Hành-nhân-ty hành-nhân là Lưu-Chật sang dụ-tế, Hàn-lâm thị-độc học-sĩ là Tiền-Phồ, Lễ khoa cấp-sự-trung là Vương-Dự đem sắc tuyên phong làm An-nam quốc-vương. Đến tháng chạp năm Quang-thuận thứ ba, 1462, vua Lê Thánh tôn sai Lê-công-Lộ sang nhà tạ về việc dụ tế, Trần Bàn tâu việc, Bùi-Hựu tạ về việc sách phong. Lại sai lũ Lê-văn-Hiền, Hoàng-văn-Ngọ, Tạ-tử-Diên sung vào tuế-cống và xin cho y phục »

Về ông *Hoàng-nhân-Thiêm* chỉ thấy *Khâm-định Việt-sử*, quyển 22, tờ 34b, chép ông làm Lại bộ Thượng thư, năm giáp ngọ 1474, hiệu Hồng đức thứ năm, bị giam vào ngục, vì « đem người làm quan xa chuyển bồ chỗ cận tiện, đem người ở chỗ nước độc chuyển bồ vào chỗ đất phì nhiêu ». Năm ất vị 1475, hiệu Hồng đức thứ sáu, *Khâm-định việt-sử*, quyển 23, tờ 1a, chép «Trấn thủ Vân nam nhà Minh là Tiền Năng sai chức chỉ huy sứ vệ Kim ngô là Quách Cảnh từ đường Thao giang sang nước ta, nói rao lên là đi đuổi bắt những người trốn tránh. Đến khi về, vua Lê Thánh tôn sai Lê Niệm và Hoàng nhân Thiêm làm thơ, vua tự làm bài tựa để tiễn; vua tự xưng là «Thiên Nam động chủ đạo am».

Ông *Trần Phong*, người huyện Tiên lữ, phủ Khoái châu (không rõ làng) Đỗ khoa hoành-từ năm tân hợi 1431, hiệu Thuận thiên thứ tư, đời vua Lê Thái tổ. Đầu năm Thiệu bình, 1434, làm ngự tiền học sinh cục phó. Mùa đông năm đinh tỵ, 1437, thăng hữu hình viện đại phu, dần dần thăng đến chức tri nhự-tiền học-sinh cục, Hàn-lâm thị-giảng. Năm bính-dần hiệu Thái hòa, 1446, được vào hầu tòa Kinh diên. Đầu năm Quang thuận, 1460, làm quan đến Hình bộ thượng thư, phải tội vì kể những lỗi của em là Trần-Cần bị ra làm Tây-đạo tuyên-chính-sứ, sau được vời về dùng, thăng Hộ-bộ thượng-thư, kiêm Thái-tử tân-khách Năm đinh-hợi 1467, lại đổi làm Hình-bộ thượng-thư, kiêm chức như cũ. Năm giáp-ngọ 1474, hiệu Hồng-đức, gia Thái tử thiếu-bảo, kiêm đô ngự-sử, coi thi điện khoa ất-mùi 1475 Năm ất tỵ 1485, vì cớ gièm chê, bị giết.»

Đấy là sự-tích chép trong *Đăng khoa bị khảo*, sách viết bằng chữ nho của Trường Bác-cổ, số A 485, quyển Sơn-nam tờ 68a. Bộ *Khâm định Việt-sử* có nói đến năm đoạn, ở quyển 19, tờ 33b, quyển 20, tờ 11a và 15b, quyển 21, tờ 12a-b, và quyển 24, tờ 4a. Tôi trích hai đoạn dưới như sau này: «Mùa đông tháng mười năm Quang thuận thứ chín, 1468, lúc bấy giờ Lê-Bô phạm tội tham-tang bị tội «kình», chạm chữ vào mặt. Trần-Phong xin cho lấy tiền chuộc tội. Vua Lê Thánh-tôn bảo các quan rằng: «Trần-Phong xin cho chuộc tội tham-tang, thế là người giàu đút lót nhiều mà được khỏi tội, người nghèo không có tiền mà bị tội: trái luật-phép của tổ-tiên tự-tiện làm uy-phúc, để đánh lừa người trong nước. Giao Pháp-ty xét trị tội đúng luật.» Trần-Phong là người hay a-dua. Lúc bấy giờ

cha nguyên phi của vua Lê Thánh tôn là Nguyễn-đức-Trung, cậu là Nguyễn Yên, quyền - thế không ai bằng : Trần Phong thường đến nịnh-hót hai người ấy. Có một ngày, Trần Phong bị bức về lời nghị luận của công - chúng, bất đắc - dĩ phải kể điều lỗi của Nguyễn-đức-Trung, đến tối lại đến nhà Đức-Trung tạ lỗi. Muốn làm thông-gia với Nguyễn - Yên, cả ngày khúm-núm ở ngoài sân, Yên mới bằng lòng. Vua Lê Thanh-tôn bảo lũ Nguyễn-như-Đỗ rằng : «Trần-Phong là người nét mặt thì nghiêm - trang, mà trong lòng lần lữa, khinh dị câu nói. Như nịnh - hót thờ phụng người quyền-quí, liếm cái mụn cho Đức Trung, hút cái nhọt cho Nguyễn Yên, đó là cái mưu-kế của Trần-Phong ..» Lúc đầu Trần Phong thờ vua Lê Nhân tôn, 1442-1459 vào hầu tòa Kinh-điện, sau a-dua theo Lê Nghi - Dân, thường vô lễ với vua Lê Thánh-tôn ; đến khi vua Thánh tôn lên ngôi, 1460, Trần Phong làm Hình bộ thượng thư, vì có tội phải đầy làm Thừa chính sứ Sơn tây, sau lại triệu dụng, dần dần thăng đến Thái tử thiếu-bảo, kiêm Đô ngự sử. Vua Thánh tôn thường ghét về tội gian tà dua nịnh. Năm ất tỵ 1485 có người cáo tố Trần Phong về tội gièm chê vua Thánh tôn, vua giao xuống ngục, rồi Trần Phong chết. Vua bảo Nguyễn như Đỗ rằng : « Trần Phong lúc nhỏ làm cựu thần của Lê đức hầu, nay thờ trẫm, lại đem lòng bất-trung, thường chê trẫm dựng đặt quan hiệu nhà Minh, mà không theo phép thông thường của quốc triều, thực là người làm phản.»

(còn nữa)

Ứng-hóe NGUYỄN VĂN-TỐ

Bổ chính

Bài phê bình đăng T.T. số 66, nơi trang 5 cột 2, từ giòng 9 đến giòng 14 có in sót, nay xin bổ chính :

«Chúng tôi nhận thấy các nhà làm truyện ký Âu tây, mỗi khi biên tập về đời một thi sĩ nào, bao giờ các ông cũng dựa vào thơ văn của thi sĩ ấy để xét đoán phê phán.

«Khuông Việt sùng bái Tôn thọ Tường bằng cách tìm hiểu đời thi sĩ của Tôn trải qua đời chánh trị Tôn».

Cột 3, giòng 8 thiếu một chữ, nay xin chép lại tất cả : «... nhiên hậu mới phê phán lập luận được »

Đón coi :

Hoàn-cảnh xã-hội của Mạc-tử.

HOA-BẰNG viết

Nhà xuất bản « NGUYỄN DU »

số 11, Hà-nội

Đường 206bis

MỚI CÓ BÁN :

BÀ QUẬN MỸ

Lịch sử tiểu thuyết của CHU THIÊN

Cả một tấm gương tiết-liệt cho phái nữ-lưu.

Mới phát hành : Giá : 1p00

TẬP - KIỀU

Tập văn rất tài tình của TÚ POANH

Có 8 phụ bản của họa sĩ Nguyễn Đức Nùng

Đã hết : Giá 1p00

TRÊN ĐƯỜNG NGHỆ THUẬT...

của Vũ-Ngọc Phan

(sẽ tái bản nay mai)

Đón xem : RĂNG ĐEN *của cô* Anh Thơ

THANH LỊCH *của bà* Vân-Đài

« THU » *thơ của* Đỗ cẩm Văn

THƠ TRÀO - PHÚNG

ÔNG GIÀ 75 CƯỚI CÔ GÁI 17

(Theo tin các báo)

Nào phải ông già lẩn cẩn dâu ?
Bẩy nhăm còn biết cưới cô hầu !
Trai làng ghen cụ đi làm rể ;
Đàn cháu dìu ông đến đón dâu.

Đối già một chuyến xem sao nhỉ !
Giở chứng phen này thế cũng âu ..

Tâm sự cô gái 17 khi ông già 75 đến đón dâu,

Em bước chân ra những ngượng ngùng,
Chị em làng xóm xúm vào trông.
Phân vân biết gọi anh hay cụ ?
Tuổi tác so le bố kém chồng !
Mắt lóa lão nhìn không khéo lẩn !
Má hồng em điểm cũng hoài công !
Lưng còng, gối yếu, thương cho lão,
Qui tế tơ hồng có vững không ? !

BACH - DIÊN

Bạn đọc viết

Bà Trần-Thị-Ngọc-Hảo, vợ vua Trần - Duệ - Tôn (1373 - 1377)

LÊ NHƯ-THỦY

TRI-TÂN số 56 có đăng bài của bạn Thanh-Khê nói về mẹ con bà hoàng hậu Trần-Thị Ngọc Hảo, vợ vua Trần Duệ-Tôn (1373-1377)

Nay tôi xin nối lời ông Thanh-Khê trưng thêm một vài tài liệu mà tôi đã sưu tầm được trong cuốn phổ-ký bằng chữ Hán hiện nay còn lưu tại chùa Am, chỗ bà hoàng - hậu tu ngày trước, tại làng Phụng-công, phủ Đức-thọ (Hàtĩnh).

Theo cuốn phổ-ký ấy thì bà Trần-Thị-Ngọc-Hảo hiệu Bạch-Ngọc hoàng-hậu, với con Trần-Thị Ngọc-Hiền hiệu Huy - Chân công-chúa tức Trinh-Thục công-chúa, sau khi vua Duệ-Tôn bị giết, chạy trốn về quê nhà, hạt Hương-Khê (Hatinh), cùng với hai viên cận thần Trần Quốc-Trung, Nguyễn Thời-Kính và 170 cung nhân tôi tớ...

Về tới nơi, ẩn lại dọc dãy núi Cốc và núi Trà (địa phận phủ Đức-thọ bây giờ), chiêu mộ nhân dân, lập ra nhiều làng xóm, trên từ Lâm-thao, Hòa-Duyệt (nay thuộc huyện Hương-khê), Thượng-Bồng, Hạ - Bồng (thuộc huyện Hương - Sơn), giữa đến Lạng-Quang, Du-Đồng và Đồng Công (thuộc phủ Đức-thọ), dưới đến Thường-Nga, Lai-Thạch (thuộc huyện Can-Lộc), và khai khẩn ruộng đất được 3 965 mẫu.

Sau khi ông Mậu Quận-Công Bùi-Bị đưa bà ra yết kiến ông Lê-Lợi. Ngoài sự giúp đỡ lương-thực, bà còn gả nàng Huy Chân Công-chúa cho Lê-Lợi làm thứ phi và sai hai viên cận-thần Trần Quốc-Trung, Nguyễn Thời-Kính ra giúp đỡ ngài đánh dẹp giặc Minh

Đến lúc bài Bình-Ngô-đại-cáo, đã được vang đọc khắp nơi, bà xin Phép vua lập ra hai chùa : chùa Tiên-Lữ ở xã Mỹ-Xuyên (phủ Đức-thọ) và chùa Am ở xã Phụng-công. Ba tu ở chùa này.

Nàng Huy-Chân công-chúa, sau khi lấy vua Lê-Lợi, sinh được một gái đặt tên là Ngọc-Châu, tức Trang - Từ công - chúa rồi cũng xin phép về tu cùng mẹ ở chùa Am.

Còn Trang-Từ công-chúa sau kết duyên với Minh Quận-Công Bùi-Ban, con ông Bùi-Bị Lấy nhau chưa có con, Bùi-Ban nhân đi đánh giặc Minh, bị tử thương rồi mất tại làng Thổ Hoàng, huyện Hương-Khê. Hiện nay có đền thờ ở đó.

Hết tang chồng, Trang-Từ công-chúa lại tái giá cùng ông Khôi Quận-Công Trần-Hồng, người làng Đồng-Lạc, phủ Đức-thọ Năm năm sau, nàng lại bỏ Trần-Hồng về tu tại chùa Am cùng mẹ và bà. Ba người tu hành trong hơn hai mươi năm trời, rất thương yêu nhân dân và được nhân dân hết lòng kính mến.

Bà Bạch - Ngọc mất ngày 22 tháng 6 vào khoảng niên hiệu Hồng-Đức đời vua Lê Thánh-Tôn (1460-1497).

Bà Huy-Chân mất ngày 22 tháng 3 cũng về niên hiệu Hồng-Đức.

Còn bà Trang - Từ mất ngày mồng 5 tháng chạp vào khoảng niên-hiệu Cảnh-Thống đời vua Lê Hiến-Tôn (1498-1503).

Hiện nay còn lăng bà Bạch-Ngọc ở núi Phúc-Sơn, tục gọi Núi-Vua, tại địa phận làng Hòa-Yên, cách chùa Am 2 cây số về phía nam.

Trước khi mất, bà Bạch-Ngọc có lập hai cái bia tại hai chùa Tiên-Lữ và Am-Sơn. Trên bia kể rõ các sắc chế vua Lê, ghi chép rất tường tận các sự tích lập chùa đền, lập chợ, lập các làng. Nhưng sau đến đời vua Lê Thánh-Tôn, ông Khôi Quận công Trần-Hồng, người chồng thứ hai của bà Trang-Từ Công-chúa, cậy quyền thế, muốn chiếm đoạt các của cải ruộng đất của bà Bạch-Ngọc đã chia cho các làng, bèn sai tôi tớ phá hủy các bia, đốt hết các sắc chế Thực đáng tiếc cho các nhà khảo cứu ngày nay muốn biết tường tận những công trình khai thác của bà kỳ nữ ấy, không tìm đâu ra được tài liệu cho đầy đủ nữa.

Đến đời vua Lê Hiến - Tôn, người con nuôi của Bùi-Ban là Bùi Văn-Khanh đem việc chiếm đoạt của Trần-Hồng tâu lên vua. Vua mới biết, bèn bắt chém hết thầy tớ Trần-Hồng và trả lại ruộng đất cho các làng.

Trước hiện có 3.965 mẫu, nhưng về sau trải nhiều đời loạn lạc, nhân dân nhiều người chiếm lấy ruộng đất ấy làm của riêng, nên chỉ còn 1 966 mẫu chia cho mấy làng như Phụng-Công, Hòa-Yên, Mỹ-Xuyên để giữ lăng, giữ miếu, kỵ lạp, hoặc cung cấp cho đồng dân.

LÊ-NHƯ-THỦY

DỊCH THƠ TÂY

Le cœur d'Hialmar

Une nuit claire. Un vent glacé. La neige est rouge.
Mille braves sont là qui dorment sans tombeaux
L'épée au poing, les yeux hagards Pas un ne bouge
Au-dessus tourne et crie un vol de noirs corbeaux.

La lune froide verse au loin sa pâle flamme.
Halmar se soulève entre les morts sanglants,
Appuyé des deux mains au tronçon de sa lame
La pourpre du combat ruisselle de ses flancs

—Holà. Quelqu'un a-t-il encore un peu d haleine,
Parmi tant de joyeux et robustes garçons
Qui, ce matin, riaient et chantaient à voix pleine,
Comme des merles dans l épaisseur des boussons ?

Tous sont muets. Mon casque est rompu, mon armure
Est trouée, et la hache a fait sauter ses clous.
Mes yeux, saignent J entends un immense murmure
Pareil aux hurlements de la mer ou des loups.

Viens par ici, Corbeau, mon brave mangeur d'hommes
Ouvre-moi la poitrine avec ton bec de fer.
Tu nous retrouveras demain tel que nous sommes
Porte mon cœur tout chaud à la fille d'Ylmer.

Dans Upsal, où les Jarls boivent la bonne bière
Et chantent, en heurtant les cruches d or, en chœur
A tire-d aile vole, ô rodeur de bruyère.
Cherche ma fiancée et porte-lui mon cœur.

Au sommet de la tour que hantent les corneilles
Tu la verras debout, blanche, aux longs cheveux noirs,
Deux anneaux d'argent fin lui pendent aux oreilles
Et ses yeux sont plus clairs que l'astre des beaux soirs.

Va, sombre messager, dis-lui bien que je l'aime
Et que voici mon cœur. Elle reconnaîtra
Qu'il est rouge et solide et non tremblant et blême;
Et la fille d'Ylmer, Corbeau, te sourira.

Moi, je meurs. Mon esprit coule par vingt blessures.
J ai fait mon temps, Buvez, ô loups, mon sang vermeil.
Jeune, brave, riant, libre et sans flétrissures,
Je vais m'asseoir parmi les Dieux, dans le soleil

LECONTE DE LISLE

Trái tim Tráng-sĩ

Đêm mờ. Gió lạnh lùng. Ngàn tuyết đỏ.
Ngổn ngang muôn hào kiệt nghỉ không mồ.
Tay nắm gươm, mắt trợn. Thây nằm trơ.
Khoảng trên lượn đàn quạ đen kêu gió.

Trăng lạnh tỏa. Trong đám thây đẫm máu,
Chàng Hiên-Ma gượng nhắc chiếc thân tàn,
Chống hai tay lên mảnh kiếm Long-toàn,
Bên sườn chảy suối máu hồng chiến-đấu.

— Hỡi những gã vui tươi đầy dũng-lực,
Mới sáng nay còn cười hát vang lừng,
Như trong rừng, đàn chim sáo tưng bừng,
Nào các bạn, hỡi ai còn hơi sức ?

Không ai đáp. Mũ sắt ta đã vỡ,
Giáp tả tơi vì lưỡi búa quân thù.
Mau mắt tuôn. Ta nghe thấy ù-ù,
Man mác như bể gầm, hay sói sủa.

Hỡi Quạ, loài thịt người không ghê sợ,
Đêm mỏ đồng mau phanh ngực ta đây.
Ma chúng ta còn nằm tại chốn này,
Mang tim nóng ta cho Y-Mê-nữ.

Nhằm Uy-san, nơi vương hầu tôn-quí
Chạm chén vàng mời rượu, hát ca vang,
Thẳng cánh bay, hỡi chim rõi bụi hoang,
Cố tìm Nàng mà trao tim tráng-sĩ.

Trên lầu cao, riêng đân uyên lai vãng,
Sẽ thấy Nàng, trong trắng, tóc đen dài,
Đứng thẫn thơ, khuyên bạc giắt bên tai,
Trang tuyệt đẹp còn thua đôi mắt sáng.

Đi, hung-sứ, giãi tình ta thâm-trọng,
Và đưa Nàng tim của khách anh-hùng,
Thấy tim không run, xám, nhưng rắn, hồng,
Nàng sẽ cùng ngươi mỉm cười, cảm-động.

Ta, ta chết. Hồn tuôn theo trăm vết,
Thôi xong. Uống đi, sói, máu hồng ta.
Hồn tự-do, anh-dũng, không vết nhơ,
Lên ngự giữa thiên-thần, trong vừng Nhật

NGUYỄN-HUY-TƯỞNG

TIỂU-THUYẾT DÀI

TRÚC MAI SUM-HỌP

Số 18 của CHU-THIÊN

À, có lẽ tại bát tương gừng có lẫn nhân-ngôn thạch-tín tán nhỏ để làm bả rồi. Cái cong tương để ngay giáp vách rìa cái bàn trên để lọ thạch-tín nhân-ngôn tán nhỏ. Hôm qua tôi thấy cái lọ ấy vơi hẳn đi, tôi đã toan hỏi. Ý chừng con gì chạy đổ cái lọ xuống bàn rồi long nút ra lăn đến mép bàn, thuốc tán tràn ra rơi xuống cong tương. Cong lại đậy bằng bù đài mo, thuốc tán lọt vào được. Rồi ai thấy lọ đổ nút lại dựng lên, không để ý đến nữa.

Phan-công liền nói :

— Phải rồi ! Phải, cô nói đúng. Hôm qua tôi thấy lọ đổ buột nut ra, tôi liền dựng lên đậy nắp lại tử tế, không để ý gì đến nữa. Tôi cũng quên mất không bảo cô.

Lương-Thoa vội nói :

— Bẩm thượng quan, thế thì đích rồi ạ. Thôi, em Lương-Điền đem đổ cong tương đi kẻo để nhỡ ra thì lại khốn !

Lương-Điền vào bế cong tương ra, xem trên chụp bù-đài hãy còn ít bột nhân-ngôn thạch-tín. Hai chị em đều hết sức kinh-khủng về sự vô ý của mình, và mừng thầm phúc to nhà còn lớn, nên lại gặp ngay vị cứu-tinh đã không vướng vào vòng nạn và lại nhanh trí cứu ngay được.

Mấy hôm sau, một ông chú già ở trong quê được tin hai cháu bị nạn, liền vào thăm. Hiểu rõ sự thể và biết Phan-công còn muộn đường con giai, muốn đem cháu gái nộp vào thứ phòng hầu hạ ngài để tạ ơn cứu sống và cho cháu có nơi nương nhờ. Ông liền hỏi ý Lương-Thoa. Nàng là một người đạt lý, trọng nghĩa-vụ và mong báo ơn, nên ưng thuận ngay. Ông bèn đem lòng ước-vọng và ý định nói với Phan-công. Phan-công ngẫm số mình và cảm tạ ơn tri-kỷ của Lương-Thoa, nên từ chối mấy lần không được, bèn bằng lòng chắp thêm giây đàn để lựa gẩy những khúc vui ở giữa rừng sâu núi rậm. Từ đấy nghĩa sư chủ lại đổi ra đạo vợ chồng, đôi bên càng tang niềm kính, càng nồng vẻ yêu.

Hơn một năm sau, Lương-Thao sinh được một con giai khôi-ngô tuấn-tú rất giống Phan-công. Ngài mừng lắm, nghĩ đến cuộc gặp-gỡ lạ-lùng và hai bên cha mẹ đều vì cảm ơn cứu sống nhau mà lấy nhau, nên liền đặt tên con là Tái-Tạo để ghi nhớ mãi cái duyên kỳ-ngộ ấy.

Tái-Tạo, bẩm được tinh anh của cha mẹ, hút được vượng khí của núi rừng, sống gần tự-nhiên hơn mọi trẻ khác, nên rất khỏe mạnh và hay ăn chóng nhớn. Đầy năm đã chạy được ; lên ba đã chạy nhẩy nghịch-ngợm ở quanh nhà, bẻ que làm cung, vót tre làm giáo. Lên năm, Phan-công đã bắt học vỡ lòng cho đỡ chạy nghịch ngoài rừng. Lên sáu, Lương-Thoa liền cho cùng ngồi trên mình ngựa chạy khắp rừng, săn bắn chim muông và dạy học biết mọi tên cây cỏ, mọi tên muông thú... Rồi từ đấy, cứ buổi sáng thì Tái-Tạo ở nhà học văn Phan-công, buổi chiều lại đi săn bắn theo mẹ vào tận rừng sâu, hay ra mãi ngoài đồng rộng. Tái-Tạo rất thông-minh, nên cả văn lẫn võ, cậu học rất chóng. Hai năm sau, cậu đã quen cưỡi ngựa, quen đi rừng, và giấy tờ đi lại cậu đã xem được và viết được. Cậu thường một mình một ngựa, theo Lương-Điền phóng khắp rừng và bắn được rất nhiều chim muông. Đến năm lên chín tuổi, Tái-Tạo nghiễm-nhiên đã thành một tay thiện-sạ, một mình thường giong-ruổi ra ngoài địa-phận rừng Tiên-sơn. Cậu đi khắp cả mọi rừng lân-cận. Có khi đi từ sáng đến chiều mới về. Cậu là hòn ngọc quý của gia-đình, của cha, của mẹ, của cậu và của cả xóm Lưu-đạo nữa. Ai ai cũng một lòng yêu mến cậu. Tuy vậy, không vì thế mà cậu trái lời cha mẹ như nhiều đứa trẻ khác được yêu nuông. Thấy con hay giong-ruổi đi xa, Phan-công và Lương-Thoa sợ hãi bắt ở nhà chuyên học vấn, không cho một mình đi chơi nữa. Nhưng thỉnh-thoảng nhớ cảnh vùng-vẫy giữa núi rừng, cậu lại xin phép cha mẹ đeo cung cưỡi ngựa ra đi. Cũng nhân một cuộc đi chơi như vậy, mà giữa đường gặp sự bất bình, chàng dương cung bắn chết Tham-quan để rồi đưa lại

Hai quyển sách mà ai định học chữ nho hay đã biết chữ nho muốn biết thêm :

Chữ nho học lấy | *Mẹo chữ hán*

Cử nhân Dương Bá-Trạc soạn | Bùi Trinh-Khiêm soạn

Giá 1p — Cước 0p12 | Giá 0p35 — Cước 0p06

Để cho : hiệu sách Đông Tây, 195 hàng Bông Hanoi

một cuộc sum-họp đột-nhiên và vô cùng kỳ lạ như ta vừa thấy ở chương trên.

V

Phan-công, Lương-Thoa và Phan Tái-Tạo đến chơi dinh quan Đề-đốc đã hai ngày rồi. Cái tin Liên-Tường phu-nhân tìm thấy cha già là Phan Thượng-thư đã do miệng quân lính trong dinh truyền lan ra rất mau. Các quan chức trong trấn, các người vì-nể nhờ-vả đều kéo nhau đến mừng và mang lễ-vật đến tặng Phan-công. Cho nên hôm sau, quan Đề-đốc Trần-Long phải viết thiếp mời tất cả các quan hàng trấn đến dự tiệc mừng rất long-trọng thết ở trong dinh Đề-đốc. Tất cả các quan cao cấp và trung-cấp trong trấn đều có mặt. Từ quan Tổng-trấn đến các quan Phiên-sứ, Nét sứ, các quan Phân-phủ, các quan Trấn-thủ, cho đến các hưu quan, các vị khoa mục trong trấn, ai nấy đều vui mừng thể theo lời mời của quan Đề-đốc, vội vàng tới dinh dự tiệc, nâng chén rượu mừng thọ Phan Thượng-thư và mừng cái hạnh-phúc của toàn gia-đình quan Trần Đề-đốc. Thật là một bữa tiệc rất vui-vẻ có một không hai. Những lời tán-tụng rất ý-nghĩa, những câu đối rất hay rất chọi, những bài thơ mừng đoàn-viên sâu sắc, gọt dũa, bay ra tứ tung như bướm bướm. Và tất cả mọi người cười nói trong một bầu không-khí hoan-hỷ thân mật.

Giữa bữa tiệc vui vẻ đông đủ các quan, Trần-Long đưa ra trình mặt Phan Tái-Tạo và thuật qua lại việc chàng giết Tham-quan Trần - Ngũ, việc chàng ra thú. Trần - Long đưa trình cả tờ cung của Tái-Tạo do đấy mà có sự sum họp ngày nay : con gái tìm thấy cha già, con rể biết mặt bố vợ. Nghe xong, từ quan Tổng-Trấn giở xuống, ai nấy cũng đều lấy làm kinh dị, thán phục một cậu bé chín tuổi đầu mà làm nên những việc phi thường như vậy. Tờ cung lời lẽ gẫy gọn, và đối chọi kia từ tay quan Tổng-trấn buông xuống, rồi liền tiếp từ tay vị này truyền sang tay vị khác, khắp lượt ai cũng muốn xem. Đợi cho các quan qua hết phút lạ lùng và đọc rõ tờ cung rồi, Phan-công mới chắp tay vái chào tất cả các quan mà rằng :

— Bẩm lạy quan Tổng-trấn cùng liệt vị đại quan, lão phu và toàn gia quan Đề-đốc xin hai lậy bái tạ hồng ân của các quan đối với lão phu. Lão phu với tiện quyến lại được gặp nhau chính tự tay ác phạm Tái-Tạo này là đứa con hèn-hạ của lão phu, nên lão phu không dám ẩn nặc gì, cứ thực khai trình lên các ngài minh xét. Xin các ngài cứ chiếu pháp gia hình, lão phu không dám ta thán gì cả. Được đoàn viên như thế này là quá lòng mong mỏi rồi.

Quan Tổng-trấn liền đáp :

— Bẩm lão-quan và quan Trần Đề-đốc, quí công tử thật là một bậc thiên tài, giữa đường thấy việc trái mắt, công tử liền ra tay trừ kẻ ác, cứu người ngay. Như thế là phát tự lòng trung thực thiên-nhiên chứ đâu phải tự công-tử biết người kia là Tham quan mà cố ý theo giết. Nay công tử lại tự ra thú nhận tội, vậy đối với triều đình pháp luật, không còn có tội gì nữa. Nhưng đấy là do thiên ý của bản chức. Vụ này là một vụ đặc biệt, từ trước tới nay chưa hề có. Vậy để đợi bản chức bẩm tấu về kinh xem Hoàng-thượng phê phán thế nào, lúc ấy sẽ định. Giờ bản chức vẫn xin giao qui phạm - nhân lại Phan lão quan và Trần Đề-đốc...

Quan Tổng-trấn cười, các quan cũng cười theo.

Phan công vội lễ phép thưa :

— Bẩm thượng quan và liệt vị đại quan đã thương tình mà truyền cho như thế, lão phu xin vạn vạn tạ.

Quan Tổng-trấn liền sai đô - lại thảo sớ ngay để các quan cùng biết rồi lại cho lính đi phi tấu ngay.

Còn nữa

CHU-THIÊN

Giá báo

Mỗi số	0 p. 20
1 năm	8 50
6 tháng	4 50
3 tháng	2 35

Công sở giá gấp đôi

Mua báo xin giả tiền trước

Trở lại vấn - đề đầu cơ giấy

Tiếp theo trang 3

cơ giấy sẽ bớt dần. Và nếu ai trái phép chính-phủ sẽ tịch thu số giấy trong kho mà trừng phạt cực kỳ nghiêm trọng để nêu gương cho kẻ khác.

Vấn đề giấy khan và đắt là một vấn đề sinh tử cho làng văn làng báo.

Nếu một mai các báo và tạp chí phải dần dần tự ý đình bản vì nạn khan giấy thì một số đông nhà văn nhà báo sẽ thành thất nghiệp và tương lai của giới trí thức sẽ nhuộm đầm một màu bi quan !

Cái nạn đó có quan hệ mật thiết về việc truyền bá tư tưởng trong dân gian và sự cung cấp món ăn về tinh thần cho quần chúng vì nếu thiếu sách báo cho người đọc thì, vì nhiều giờ nhàn rỗi, biết bao người sẽ ham mê quân bài lá bạc hoặc đáp theo tiếng gọi của Dâm thần mà chôn vùi thân thế trong bùn nhơ trụy lạc !

Chúng ta không thể khoanh tay mà cam tâm để cho những quân tham lam bóc lột chúng ta một cách tàn nhẫn.

Vì luật cạnh|tranh, một còn một mất, chúng ta chiến đấu tới cùng với những quân vô liêm sỉ ấy mà lột mặt nạ chúng trước pháp luật.

Chúng ta hãy vạch rõ những mánh, lới xảo quyệt, những hành vi phi pháp của chúng vì chúng tham lam vô độ, làm hại đến cuộc tiến hóa và sự gây dựng một nền văn hóa cho đất nước.

PHẠM MẠNH-PHAN

QUỐC-HỌC THƯ-XÃ

Mới phát hành

Học-thuyết mặc-tử

Tựa của cụ NGUYỄN-VĂN-TỐ, *trưởng* Bác-cổ Viễn-đông

Sách thường giá 1p50 — Sách đẹp lênh-chỉ 3p00, bouffant 4p00 Vergé baroque crème 7p00. Ngự-chỉ đặc biệt 5p00—(Có đánh số và chữ ký của tác giả)

Sắp phát-hành

Liêu trai chí dị

Toàn những chuyện chọn-lọc, chưa dịch ra quốc-văn bao giờ, cuốn sách đầu tiên trong tủ sách « TIÊU KHIFN »

Tôn-tử binh-thư

Một bộ BINH-THƯ vạn cổ không bao giờ giảm giá hay ít ất thời, đã được dịch ra Pháp văn từ ngót hai thế-kỷ nay,

Thư từ ngân phiếu đề cho
Ô. Lê văn Hòe giám đốc Quốc Học Thư Xã
16 bis Tien Tsin Hanoi

Đang in

VIỆT-NAM CỔ VĂN HỌC SỬ

tác giả Nguyễn đổng-Chi, *tựa của* Trần-v-Giáp

Lời bạt của HUỲNH THÚC-KHANG

500 trang — Bìa của Nguyễn đỗ Cung —
Giá 4p50 — Bản Impérial d'Annam : 25p —
Bản dó lụa sông Thao : 20p —
Bản Super Glacé ; 15p

Ai gửi tiền mua trước ngày 1er Octobre 1942 sẽ được trừ 10 %. và không phải trả tiền bưu phí

→ HÀN-HUYÊN

— *71 Tien Tsin Hanoi*

Muốn làm giàu, mua vé số

Đông-Pháp

1p.00 một vé

Những sách của

Lê-hăng xuất bản

Imprimerie du Nord

133 Rue du Coton Hanoi

1·) Tiểu học Việt nam văn phạm giáo khoa thư Nguyễn-quang-Oánh, sách đã được ban kiểm sách duyệt y (1) 1 p. 25
2·) *Việt nam văn phạm*, Trần-trọng-Kim 2 p.50
3·) *Grammaire Annamite* Trần-trọng-Kim 3 p 50
4·) *Phật lục*, Trần-trọng-Kim 0 p.80
5·) *De Hanoi à la Courtine* Phạm-duỷ-Khiêm 1 p.50

ĐANG TÁI BẢN

Nho giáo, Trần-trọng-Kim. 5 quyển Sách in làm 2 loại, loại thường và loại đặc biệt, toàn bằng giấy dó. Loại đặc biệt in có hạn, độc giả nào muốn mua xin giữ trước.

(1) Các giáo sư mua từ mười quyển trở lên có trừ 15 %.

VŨ-NGOC-PHA

NHÀ VĂN HIỆN ĐẠI

Toàn bộ 4 quyển — Mỗi quyển 2p
Loại sách đẹp giấy lụa dó 10p

Đã có bán quyển I

Những nhà văn hồi mới có chữ quốc-ngữ — Nhóm « Đông-dương tạp chí » — Nhóm « Nam-Phong tạp-chí ».

Có 12 bức ảnh các nhà văn

Xuất bản trong « Tủ sách Tao Đàn »
Nhà Xuất-bản Tân-Dân

Mua sách xin gửi tiền trước, cả cước mỗi quyển là 0p30.

Không gửi lĩnh hóa giao ngân

Mandat gửi về : Nhà in Tân-Dân
93, Phố Hàng Bông Hanoi

Directeur : Nguyễn Tường-Phượng — Administrateur Gérant : Dương Tụ-Quán

Imp. Spéciale du Tri-Tân Hanoi